ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRUNG AN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRUNG AN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Đào Công Văn	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Nguyễn Thị Mến	Phó hiệu trưởng	Phó chủ tịch hội đồng	
3	Lê Trung Hiếu	Thư ký hội đồng	Thư ký hội đồng	
4	Huỳnh Thị Phiên	Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên hội đồng	
5	Ngô Văn Tín	Tổng phụ trách Đội	Ủy viên hội đồng	
6	Trương Thị Hồng Hậu	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên hội đồng	
7	Huỳnh Hữu Lộc	Tổ trưởng văn phòng	Ủy viên hội đồng	
8	Đặng Thị Bích Ngọc	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên hội đồng	
9	Nguyễn Thị Kim Sa	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên hội đồng	
10	Trần Duy Phương	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
11	Nguyễn Thị Nhật Lan	Kế toán	Ủy viên hội đồng	
12	Nguyễn Thanh Phong	Văn thư	Ủy viên hội đồng	
13	Dương Thị Cẩm Tú	Thủ quỹ	Ủy viên hội đồng	
14	Ngô Thanh Thảo	Nhân viên	Ủy viên hội đồng	

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	1
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	3
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	9
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	9
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường.	13
Mở đầu	13
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	13
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.	16
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.	19
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.	222
Tiêu chí 1.5: Lớp học.	26
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.	28
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.	31
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục.	322
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.	34
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.	36
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	39
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.	40
Mở đầu	40
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.	41
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên.	43
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên.	46
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh.	48
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	50
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học.	51
Mở đầu	51
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập.	52

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập.	53
Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị.	56
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.	57
Tiêu chí 3.5: Thiết bị.	60
Tiêu chí 3.6: Thư viện.	62
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	65
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.	65
Mở đầu	65
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh.	66
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.	68
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	71
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục.	72
Mở đầu	72
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông.	72
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.	75
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định.	77
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp.	79
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh.	81
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục.	84
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	88
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	89
Phần IV. PHỤ LỤC	1-57

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	-
Tiêu chí 1.2		X	X	-
Tiêu chí 1.3		X	X	-
Tiêu chí 1.4		X	X	-
Tiêu chí 1.5		X	X	-
Tiêu chí 1.6		X	X	-
Tiêu chí 1.7		X	X	-
Tiêu chí 1.8		X	X	-
Tiêu chí 1.9		X	X	-
Tiêu chí 1.10		X	X	-
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	-
Tiêu chí 2.2		X	X	-
Tiêu chí 2.3		X	X	-
Tiêu chí 2.4		X	X	-
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	-
Tiêu chí 3.2		X	X	-
Tiêu chí 3.3		X	X	-

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 3.4		X	X	-
Tiêu chí 3.5		X	X	-
Tiêu chí 3.6		X	X	-
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	-
Tiêu chí 4.2		X	X	-
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	-
Tiêu chí 5.2		X	X	-
Tiêu chí 5.3		X	X	-
Tiêu chí 5.4		X	X	-
Tiêu chí 5.5		X	X	-
Tiêu chí 5.6		X	X	-

Kết quả: đạt Mức 2.

2. Kết luận: trường đạt Mức 2.

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Trung học cơ sở Trung An

Tên trước đây: không có

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Thành phố Hồ Chí Minh	Họ và tên hiệu trưởng	Đào Công Văn
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Củ Chi	Điện thoại	0283756010
Xã / phường/thị trấn	Trung An	Fax	Không
Đạt CQG	Năm 2014; mức 1	Website	http://thcstrungan.hcm.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	06/9/2010	Số điểm trường	01
Công lập	X	Loại hình khác	Không
Tư thục	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Trường chuyên biệt	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022 - 2023
Khối lớp 6	4	5	5	5	5
Khối lớp 7	6	4	5	5	5
Khối lớp 8	5	6	4	5	5
Khối lớp 9	5	5	6	5	5
Cộng	**20**	**20**	**20**	**20**	**20**

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	36	36	36	36	38	
1	Phòng học	22	22	22	22	21	
a	Phòng kiên cố	22	22	22	22	21	
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
2	Phòng học bộ môn	08	08	08	08	11	
a	Phòng kiên cố	00	00	00	00	00	
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
3	Khối phục vụ học tập	03	03	03	03	06	
a	Phòng kiên cố	00	00	00	00	00	
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
II	Khối phòng hành chính - quản trị	13	13	13	13	08	
1	Phòng kiên cố	13	13	13	13	08	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	

TT	Số liệu	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Ghi chú
III	Thư viện	1	1	1	1	1	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác	3	3	3	3	3	
	Cộng	**50**	**50**	**50**	**50**	**50**	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 01 năm 2024

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	0	0	0	1	0	
Phó hiệu trưởng	1	1	0	0	1	0	
Giáo viên	39	27	0	0	34	1	
Nhân viên	6	4	0	0	1	0	
Cộng	**47**	**32**	**0**	**0**	**37**	01	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023
1	Tổng số giáo viên	40	40	39	39	39
2	Tỷ lệ giáo viên/ lớp	2	2	1,95	1,95	1,95
3	Tỷ lệ giáo viên/ học sinh	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp	0	0	05	0	0

TT	Số liệu	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023
	huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)					
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	810	797	792	748	798	
	- *Nữ*	414	387	373	360	387	
	- *Dân tộc thiểu số*	11	18	18	20	23	
	- *Khối lớp 6*	177	202	192	185	215	
	- *Khối lớp 7*	249	179	202	206	181	
	- *Khối lớp 8*	193	234	172	189	212	
	- *Khối lớp 9*	191	182	226	168	190	
2	Tổng số tuyển mới	152	200	190	182	213	
3	Học 2 buổi/ ngày	810	797	792	748	798	
4	Bán trú	0	0	0	0	0	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/ lớp	40,05	39,85	39,6	37,4	39,90	
7	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	810	797	792	748	798	

TT	Số liệu	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Ghi chú
	- *Nữ*	414	387	373	360	387	
	- *Dân tộc thiểu số*	11	18	18	20	23	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/ tỉnh(nếu có)	2	27	14/1	14/1	12	
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia(nếu có)	0	0	0	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	21	26	15	10	23	
	- *Nữ*	12	14	7	4	13	
	- *Dân tộc thiểu số*	0	0	0	0	0	
11	Tổng số học sinh(trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	0	0	0	0	0	
12	Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	0	

b) Kết quả giáo dục (đối với trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học)

Số liệu	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	31,36	41,28	31,19	30,21	26,32	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	34,07	36,26	37,63	38,64	39,47	

Số liệu	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu kém	4,69	2,13	3,41	4,01	4,52	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	94,57	96,99	95,08	94,12	92,35	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	5,43	3,01	4,92	5,88	7,65	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	0	0	0	0	0	

Phần II
TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Trung học cơ sở Trung An được thành lập theo Quyết định số 7243/QĐ-UB ngày 06 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi. Để đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trên địa bàn xã Trung An, trường được đặt tại ấp An Bình, xã Trung An, huyện Củ Chi.

Trường có khuôn viên rộng với tổng diện tích 11.240,9 m^2, có tường bao bọc xung quanh, sân tráng xi măng, sân chơi, nhà tập thể dục đa năng và các công trình phụ khác. Khi mới thành lập, trường Trung học cơ sở Trung An có 12 phòng học, mỗi phòng học có diện tích 48 m^2, phục vụ cho 532 học sinh trong năm học 2010 - 2011. Đến tháng 8 năm 2017, trường đã được xây thêm và đưa vào sử dụng 10 phòng học mới nên tổng số phòng học đến thời điểm hiện tại: 21 phòng học; 11 phòng học bộ môn như: 03 phòng Khoa học tự nhiên, 02 phòng Ngoại ngữ, 02 phòng Tin học, phòng Công nghệ, phòng Âm nhạc, phòng Mĩ thuật, phòng Khoa học xã hội; 06 phòng phục vụ học tập và 08 phòng hành chính - quản trị thuận tiện cho công tác quản lý và hoạt động của nhà trường. Cơ sở vật chất của nhà trường được trang bị đầy đủ, đáp ứng yêu cầu cơ bản của đổi mới giáo dục.

Cơ cấu tổ chức nhà trường được hoàn thiện, phân công nhân sự hợp lý theo Đề án vị trí việc làm của đơn vị. Trường có Chi bộ Đảng, cán bộ quản lý, tổ chức đoàn thể khác: Công đoàn cơ sở, Chi đoàn, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Trường có 06 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng với tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên là 47 người. Về học sinh, trường hiện có 21 lớp học với 864 học sinh (học kỳ I, năm học 2023 - 2024).

Công tác quản lý chất lượng giáo dục trong những năm qua được nhà trường xem là mối quan tâm hàng đầu, tổ chức xây dựng kế hoạch và thực hiện một cách chặt chẽ từ cán bộ quản lý đến các tổ chuyên môn và đội ngũ thầy cô giáo. Nhà trường thực hiện đúng, đầy đủ và kịp tiến độ về kế hoạch thời gian năm học theo

hướng dẫn của Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, đảm bảo thực hiện đúng nội dung chương trình theo khung phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

Từ ngày thành lập đến nay với sự cố gắng, nỗ lực của tập thể, trường Trung học cơ sở Trung An đã vinh dự đón nhận nhiều danh hiệu thi đua khen thưởng:

- Tập thể Lao động tiên tiến nhiều năm liền: năm 2018, 2019, 2020, 2022, 2023.

- Chi bộ Đảng nhiều năm liền đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ từ năm 2018 đến nay.

- Công đoàn liên tục nhận giấy khen của Liên đoàn Lao động huyện Củ Chi và Liên đoàn Lao động Thành phố.

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh nhiều năm liền đạt Chi đoàn xuất sắc.

- Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh nhiều năm liền đạt Liên đội tiên xuất sắc.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, nhà trường liên tục củng cố, hoàn thiện cơ sở vật chất, không ngừng phấn đấu nâng cao hiệu quả quản lý, nâng cao chất lượng dạy và học, xây dựng nền nếp, kỷ cương, môi trường sư phạm và đặc biệt là sự đoàn kết thống nhất trong tập thể sư phạm nhà trường. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trường Trung học cơ sở Trung An luôn phấn đấu để hoàn thiện tổ chức nhà trường, xây dựng đội ngũ vững vàng về chuyên môn, tích cực đổi mới phương pháp dạy học, phối hợp chặt chẽ với gia đình và chính quyền địa phương nhằm mục đích nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Nhà trường đang từng bước cố gắng để trở thành một ngôi trường có chất lượng giáo dục tốt, một địa chỉ tin cậy của cha mẹ học sinh và các em học sinh xã Trung An cũng như huyện Củ Chi.

Theo Thông tư 18/2018/TT- BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, nhà trường đã xác định rõ mục tiêu và

ý nghĩa của công việc. Qua công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng, nhà trường sẽ thấy được thực trạng điểm mạnh, điểm yếu của trường, xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn để từ đó từng bước phấn đấu, có biện pháp cải tiến chất lượng nâng cao hiệu quả giáo dục về mọi mặt.

2. Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá là một khâu quan trọng trong tổng thể các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở, giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn của nhà trường, nhìn ra được những điểm mạnh, điểm yếu trong công tác chỉ đạo, quản lý, chất lượng hoạt động của từng cá nhân, từng bộ phận trong nhà trường theo các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018. Từ đó, nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục và các biện pháp thực hiện nhằm nâng cao và đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, sau đó thông báo công khai với các cơ quan chức năng và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường để không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Chủ động khuyến khích sự quan tâm, đầu tư của các nguồn tài trợ, các nguồn lực, các nguồn xã hội hóa cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục; để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận Trường Trung học cơ sở Trung An đạt chuẩn quốc gia.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Nhà trường đã tiến hành công tác tự đánh giá từ tháng 09 năm 2023 và hoàn thành vào cuối tháng 01 năm 2024. Đến đầu tháng 11 năm 2023 nhà trường tiếp tục điều chỉnh, bổ sung nội dung báo cáo tính đến thời điểm hiện tại. Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường có 14 thành viên. Các thành viên trong hội đồng được phân công theo nhóm nhằm thu thập, xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí và viết phiếu đánh giá. Mặc dù các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá đều đảm nhiệm công tác chuyên môn

nhưng tất cả đều nhận thức đúng đắn về mục đích, ý nghĩa của công tác tự đánh giá nên đều sắp xếp thời gian để cùng tham gia và thực hiện công tác tự đánh giá. Ngoài ra, Hội đồng tự đánh giá còn huy động thêm sự tham gia của toàn thể đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.

Để công tác tự đánh giá của nhà trường được tiến hành thuận lợi, đạt hiệu quả, Hội đồng tự đánh giá trường Trung học cơ sở Trung An đã xây dựng kế hoạch tự đánh giá số 175/KH-THCSTrA ngày 14 tháng 9 năm 2023 để phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, đồng thời xác định rõ nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, nguồn tài chính cần huy động, nội dung công việc, thời gian tiến hành và thời gian hoàn thành tiến độ đánh giá. Từ đó các hoạt động tự đánh giá của nhà trường diễn ra thuận lợi, đúng kế hoạch, đúng tiến độ.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường được tập huấn từ tháng 9 năm 2023 và tiến hành công tác tự đánh giá theo quy trình:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá: ngày 14 tháng 9 năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá: ngày 14 tháng 9 năm 2023.

- Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng: từ ngày 27 tháng 10 năm 2023.

- Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí: Tháng 01 năm 2024

- Viết báo cáo tự đánh giá: Tháng 11 năm 2023 đến tháng 01 năm 2024.

- Công bố báo cáo tự đánh giá: Ngày 31 tháng 01 năm 2024.

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh của nhà trường căn cứ báo cáo tự đánh giá để thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng phát huy các điểm mạnh, khắc phục điểm yếu đã đề ra trong từng tiêu chí. Hội đồng tự đánh giá làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và thảo luận để đi đến thống nhất, mọi quyết định chỉ có giá trị khi có ít nhất 2/3 số thành viên trong hội đồng tự đánh giá nhất trí. Công cụ đánh giá được nhà trường sử dụng là bộ Quy định về tiêu chuẩn đánh giá trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học

do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT gồm 05 tiêu chuẩn, 28 tiêu chí. Trong mỗi tiêu chí được mô tả hiện trạng rõ ràng, các điểm mạnh, điểm yếu được trình bày đúng với thực tế, kế hoạch cải tiến chất lượng với những biện pháp cụ thể, khả thi, phù hợp với điều kiện của nhà trường.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Trung học cơ sở Trung An thành lập ngày 06 tháng 9 năm 2010 theo quyết định số 7243/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi. Qua các giai đoạn, trường được đầu tư sửa chữa, nâng cấp và phát triển ngày càng lớn mạnh cả về quy mô trường lớp, số lượng giáo viên, học sinh, chất lượng đào tạo, khẳng định được vị thế góp phần phát triển sự nghiệp giáo dục đào tạo của huyện Củ Chi.

Nhà trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức, bộ máy hoạt động đúng yêu cầu và quy định hiện hành tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động đúng quy định, góp phần tích cực trong việc phối hợp chặt chẽ với các hoạt động của nhà trường mang lại hiệu quả cao. Cán bộ quản lý thực hiện đúng vai trò lãnh chỉ đạo trong công tác chuyên môn, thực hiện tốt các công tác về quản lý hành chính, tài chính, tài sản của nhà trường. Cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở của nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các

phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Chiến lược phát triển của nhà trường được xây dựng phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, địa phương và mục tiêu giáo dục của cấp học trung học cơ sở, được sự thống nhất cao của các cấp lãnh đạo và được toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường quyết tâm thực hiện [H1-1.1-01]; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã Trung An theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Trung An lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 với mục tiêu: đẩy nhanh quá trình phát triển các tiêu chí để xây dựng xã Trung An trở thành xã nông thôn mới; phù hợp với các nguồn lực của nhà trường về nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất [H1-1.1-02].

b) Nhà trường có chiến lược phát triển hợp lí đã được cấp trên phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Nhà trường đã công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại bảng tin và đăng tải lên trang Website nhà trường để tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh cùng xem và đóng góp ý kiến xây dựng cho phù hợp [H1-1.1-03].

Mức 2:

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường được nhà trường triển khai, giám sát thực hiện theo đúng tiến độ thông qua kế hoạch từng năm học, các đợt sơ kết, tổng

kết vào cuối năm học; qua đó đánh giá kết quả đạt được, rút kinh nghiệm, điều chỉnh những biện pháp chưa hiệu quả, tiếp tục phát huy những biện pháp khả thi trong phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường [H1-1.1-04].

Mức 3:

Nhà trường tổ chức định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.1-05]. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng. Tuy nhiên việc tham gia góp ý của học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa nhiều, chưa chủ động [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, địa phương và mục tiêu giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở, được sự thống nhất cao của các cấp lãnh đạo và được toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường quyết tâm thực hiện.

3. Điểm yếu

Việc tham gia rà soát, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được cha mẹ học sinh và cộng đồng quan tâm nhưng chưa nhiều, chưa chủ động do số học sinh trên địa bàn xã đa số là con em người lao động, thường xuyên thay đổi chỗ ở.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 - 2025 đến những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục triển khai thực hiện chiến lược phát triển nhà trường đến tất cả giáo viên để cùng thực hiện. Đồng thời tổ chức rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp theo từng giai đoạn; tham mưu với chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Trung An hỗ trợ nhà trường tuyên truyền rộng rãi phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển qua nhiều kênh thông tin để ghi nhận thêm nhiều ý kiến đóng góp từ cha mẹ học sinh và cộng đồng.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

a) Được thành lập theo quy định;

b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;

c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập theo quy định. Hội đồng thi đua khen thưởng và kỷ luật, Hội đồng tư vấn, mỗi Hội đồng đều có quyết định thành lập quy định rõ cơ cấu tổ chức, thành phần, chức năng nhiệm vụ…theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học; được thành lập và hoạt động nghiêm túc theo quy định của ngành.

Hội đồng trường nhiệm kỳ 2023 - 2027 được kiện toàn nhân sự theo Quyết định số 19651/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi có 13 thành viên, gồm: bí thư cấp ủy; hiệu trưởng; chủ tịch Công đoàn; bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; đại diện các tổ chuyên môn, tổ văn phòng; đại diện chính quyền địa phương, ban đại diện cha mẹ học sinh và đại diện học sinh theo quy định của Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H1-1.2-01].

Hằng năm hiệu trưởng nhà trường ban hành các quyết định thành lập hội đồng khác theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và các quy định khác như:

- Hội đồng thi đua và khen thưởng giáo viên, nhân viên nhà trường do hiệu trưởng thành lập vào đầu mỗi năm học và làm chủ tịch, các thành viên của hội đồng gồm: phó hiệu trưởng, bí thư chi bộ, chủ tịch Công đoàn, bí thư Đoàn Thanh niên

Cộng sản Hồ Chí Minh, tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng [H1-1.2-02]. Hội đồng thi đua khen thưởng học sinh cũng được thành lập ngay từ đầu năm học, do hiệu trưởng làm chủ tịch hội đồng, các thành viên của gồm phó hiệu trưởng, bí thư chi bộ, chủ tịch Công đoàn, bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng và giáo viên chủ nhiệm các lớp [H1-1.2-03].

- Hội đồng xử lý kỷ luật học sinh do hiệu trưởng quyết định thành lập và làm chủ tịch để xét kỷ luật đối với học sinh theo từng vụ việc, các thành viên của hội đồng gồm: phó hiệu trưởng, bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, giáo viên chủ nhiệm lớp có học sinh vi phạm, một số giáo viên có kinh nghiệm giáo dục và trưởng ban đại diện cha mẹ học sinh của trường [H1-1.2-04].

- Hội đồng tuyển sinh Trường Trung học cơ sở Trung An do hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập gồm: hiệu trưởng - chủ tịch hội đồng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng, nhân viên học vụ [H1-1.2-05].

- Hội đồng xét tốt nghiệp trung học cơ sở do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi ban hành quyết định thành lập, gồm các thành viên: hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm khối 9, nhân viên học vụ, nhân viên văn thư [H1-1.2-06].

- Hội đồng khoa học cấp trường do hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập, gồm: hiệu trưởng - chủ tịch hội đồng, phó hiệu trưởng, chủ tịch công đoàn, tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng [H1-1.2-07].

b) Hội đồng trường thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, trong đó Hội đồng trường chịu trách nhiệm quyết nghị về mục tiêu, về chiến lược, các dự án, kế hoạch và phương hướng phát triển của nhà trường; quyết nghị về quy chế hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường; giám sát việc thực hiện các quyết nghị của

Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường; giám sát các hoạt động của nhà trường [H1-1.2-01].

Hội đồng thi đua và khen thưởng giúp hiệu trưởng tổ chức các phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh trong nhà trường [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03].

Hội đồng tuyển sinh thực hiện công tác tuyển sinh đầu cấp theo từng năm học [H1-1.2-05]. Hội đồng xét tốt nghiệp Trung học cơ sở có nhiệm vụ xét và đề nghị công nhận hoàn thành tốt nghiệp cấp trung học cơ sở cho học sinh lớp 9 [H1-1.2-06]. Hội đồng khoa học trường có nhiệm vụ đánh giá, xếp loại các đề tài nghiên cứu, sáng kiến kinh nghiệm của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [H1-1.2-07].

c) Hội đồng trường tổ chức họp thường kỳ 04 tháng/lần để rà soát, đánh giá tiến độ thực hiện Nghị quyết của Hội đồng trường và triển khai thực hiện phương hướng hoạt động theo mục tiêu chiến lược phát triển nhà trường trong từng giai đoạn, thực hiện kế hoạch năm học, giải quyết những vấn đề liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; ngoài ra còn tổ chức các buổi họp đột xuất khi cần để giải quyết những vấn đề phát sinh [H1-1.2-01].

Hội đồng thi đua và khen thưởng tổ chức họp định kỳ vào cuối mỗi học kỳ và cuối năm học để rà soát, đánh giá kết quả xét duyệt danh hiệu thi đua và đề nghị khen thưởng cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh có thành tích tốt trong học tập và các hoạt động khác [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03].

Hội đồng tuyển sinh họp rà soát, đánh giá kết quả thực hiện sau mỗi kỳ tuyển sinh, qua đó phát huy những cách làm hiệu quả, đồng thời khắc phục những hạn chế trong tổ chức thực hiện cho lần sau [H1-1.2-05].

Hội đồng xét tốt nghiệp họp định kỳ mỗi năm 01 lần để rà soát, đánh giá kết quả xét tốt nghiệp học sinh đủ và không đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp, báo cáo về Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi Hằng năm [H1-1.2-06].

Hội đồng khoa học tổ chức họp định kỳ 02 lần/năm để rà soát, giải quyết những vấn đề liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ [H1-1.2-07].

Mức 2:

Hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác trong nhà trường thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, đóng góp nhiều ý kiến, giải pháp giúp hiệu trưởng cải tiến, nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn, chất lượng nhà trường; tuy nhiên, có một vài thành viên trong Hội đồng trường thường xuyên thay đổi do các yếu tố khách quan như: chuyển đơn vị công tác, thay đổi chức danh, chức vụ, nhiệm vụ được phân công tại trường được nên ảnh hưởng đến công tác giám sát thực hiện mục tiêu, chiến lược, các kế hoạch và phương hướng phát triển của nhà trường [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng tư vấn phù hợp, hiệu quả theo quy định hiện hành giúp nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Một vài thành viên của Hội đồng trường thường xuyên thay đổi do các yếu tố khách quan như: chuyển đơn vị công tác, thay đổi chức danh, chức vụ, nhiệm vụ được phân công nên ảnh hưởng đến công tác giám sát thực hiện mục tiêu, chiến lược, các kế hoạch và phương hướng phát triển của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 - 2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng quán triệt đến các thành viên trong Hội đồng trường tiếp tục gắn bó lâu dài với nhà trường để thực hiện tốt hơn mục tiêu, chiến lược, các kế hoạch và phương hướng phát triển nhà trường. Đồng thời hiệu trưởng tạo điều kiện để giáo viên tham gia Hội đồng trường tích cực trao dồi chuyên môn, nghiệp vụ, giữ ổn định chức vụ, nhiệm vụ được phân công.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Công đoàn cơ sở trường Trung học cơ sở Trung An được thành lập theo đúng quy định, Ban chấp hành Công đoàn cơ sở hiện có 03 thành viên, trong đó bà Huỳnh Thị Phiên giữ chức vụ chủ tịch Công đoàn [H1-1.3-01].

Chi đoàn trường Trung học cơ sở Trung An hiện có 12 thành viên trong đó ông Lê Trung Hiếu giữ chức vụ bí thư chi đoàn [H1-1.3-02].

Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh trường Trung học cơ sở Trung An gồm 21 chi đội với 864 đội viên [H1-1.3-03].

b) Tổ chức Công đoàn và tổ chức Đoàn thành niên cộng sản Hồ Chí Minh, Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh hoạt động theo đúng Điều lệ, có đầy đủ các biên bản, Nghị quyết các cuộc họp [H1-1.3-04]; [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06].

c) Sau mỗi kỳ, mỗi năm học, tổ chức Công đoàn, tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh nhà trường đều tiến hành rà soát đánh giá, bình xét đoàn viên Công đoàn, xếp loại các chi đoàn và phân loại đoàn viên Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

Mức 2:

a) Chi bộ trường Trung học cơ sở Trung An là chi bộ độc lập, hiện có 22 đảng viên trực thuộc Đảng bộ xã Trung An; chi bộ hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, đúng quy định Điều lệ Đảng Công sản Việt Nam [H1-1.3-07].

Chi bộ làm tốt công tác lãnh đạo; công đoàn, chi đoàn làm tốt công tác phối hợp, tư vấn cho hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm và quyền hạn của mình. Chi bộ trường Trung học cơ sở Trung An có nhiều hoạt động tích cực, được Đảng ủy xã Trung An đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên từ năm 2018 đến năm 2023 [H1-1.3-08].

b) Các tổ chức đoàn thể có đóng góp tích cực trong các hoạt động nhà trường, cụ thể: Công đoàn nhiều năm liền làm tốt công tác tổ chức hoạt động và tạo điều kiện, phân Công đoàn viên tham gia hoạt động; động viên và hướng các hoạt động vào mục tiêu giáo dục, bồi dưỡng, đại diện, chăm lo và bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng cho Công đoàn viên, giữ mối liên hệ mật thiết giữa đoàn viên và cán bộ Công đoàn, giữa đoàn viên và tổ chức Công đoàn. Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội luôn đạt vững mạnh, xuất sắc [H1-1.3-09]; [H1-1.3-10]; [H1-1.3-11].

Chi đoàn là đội ngũ xung kích trong đổi mới các hoạt động giáo dục của nhà trường [H1-1.1-04].

Liên đội tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh gắn với “5 Điều Bác Hồ dạy” giúp các em phấn đấu thành con ngoan trò giỏi, đội viên tốt, cháu ngoan Bác Hồ [H1-1.1-04].

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ trường Trung học cơ sở Trung An đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-12].

b) Các đoàn thể có nhiều đóng góp hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường: Công đoàn tổ chức tốt sinh hoạt theo định kỳ, tổ chức các phong trào thi đua dạy tốt học tốt chào mừng 20/11, 26/3, 30/4, 1/5..., tổ chức các lễ họp mặt kỷ niệm ngày 20/10, 8/3, tổ chức ngày tết thiếu nhi cho học sinh, con em của Công đoàn viên trong trường [H1-1.3-13]. Tổ chức đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và tổ chức đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh phối hợp xây dựng và tổ chức tốt các hoạt động sinh hoạt trong hè trong trường và các hoạt động phong trào chào mừng các

ngày lễ lớn trong năm như lễ khai giảng, Tết Trung thu, 20/11, Tết Nguyên đán, 26/3,... góp phần thực hiện hoạt động ngoài giờ lên lớp trong nhà trường. Tuy nhiên mô hình hoạt động của Công đoàn chưa có nhiều đổi mới, còn mang tính phong trào, thời vụ chưa đi vào chiều sâu, còn mang tính hưởng ứng phát động của cấp trên nên chưa thu hút Công đoàn viên tham gia, một số Công đoàn viên tham gia hoạt động chưa tích cực, chưa tự giác, chưa nhiệt tình. Bên cạnh đó, vẫn còn một vài đoàn viên chưa tham gia tích cực vào các hoạt động tình nguyện, chưa phát huy hết được tính xung kích của vai trò tổ chức Đoàn thanh niên tại đơn vị [H1-1.3-04]; [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06].

2. Điểm mạnh

Chi bộ nhà trường thực hiện tốt công tác lãnh đạo nhà trường và các tổ chức đoàn thể, nhiều năm liền được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội luôn đạt vững mạnh, xuất sắc.

3. Điểm yếu

Một vài đoàn viên chưa phát huy hết vai trò xung kích của thanh niên, chưa dành nhiều thời gian cho các hoạt động tình nguyện vì đoàn viên còn nhiều hoạt động chuyên môn.

Mô hình hoạt động của Công đoàn chưa có nhiều đổi mới, còn mang tính phong trào, thời vụ chưa đi vào chiều sâu, còn mang tính hưởng ứng phát động của cấp trên nên chưa thu hút Công đoàn viên tham gia, một số Công đoàn viên tham gia hoạt động chưa tích cực, chưa tự giác, chưa nhiệt tình.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024 - 2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục duy trì cơ cấu các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường, tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường.

Hiệu trưởng phối hợp với Công đoàn nghiên cứu thêm nhiều hình thức tổ chức, mô hình hoạt động mới đa dạng, phù hợp với tâm tư, nguyện vọng của đoàn viên, thu hút các thành viên hăng hái, tích cực tham gia.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Trung học cơ sở Trung An có 01 hiệu trưởng là ông Đào Công Văn được bổ nhiệm theo Quyết định số 1815/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi [H1-1.4-01].

Trường có 01 phó hiệu trưởng đảm bảo yêu cầu định mức số lượng quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập [H1-1.4-02].

b) Hiện nay nhà trường có 01 tổ văn phòng và 06 tổ chuyên môn gồm: Toán - Tin học; Lý - Hoá - Sinh - Khoa học tự nhiên; Tiếng Anh; Sử - Địa - Giáo dục công dân; Ngữ văn; Công nghệ - Thể dục - Âm nhạc - Mĩ thuật các tổ hoạt động theo Điều lệ trường trung học; mỗi tổ đều có 01 tổ trưởng do hiệu trưởng bổ nhiệm và giao nhiệm vụ vào đầu năm học hoặc khi có biến động về nhân sự [H1-1.4-03].

c) Vào đầu mỗi năm học, các tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch của nhà

trường để xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ rõ ràng, trong đó nêu rõ tiến độ thực hiện, nhiệm vụ cụ thể triển khai thực hiện trong tổ để góp phần đổi mới, nâng cao chất lượng giảng dạy bộ môn, các tổ đảm bảo sinh hoạt hai tuần một lần và họp đột xuất theo yêu cầu công việc hoặc theo yêu cầu của hiệu trưởng đúng với quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H1-1.4-04].

Tổ Văn phòng phân công các bộ phận xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể: bộ phận phụ trách thư viện xây dựng kế hoạch giới thiệu sách, tài liệu tham khảo, tài liệu nghiên cứu đến với giáo viên; nhân viên y tế xây dựng kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, giáo dục thể chất, tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường, quản lý hồ sơ y tế học đường [H1-1.4-05].

Mức 2:

a) Mỗi năm học, mỗi tổ chuyên môn đều thực hiện ít nhất 01 chuyên đề, thao giảng cấp trường để tất cả giáo viên trong nhà trường cùng tham dự, trao đổi, chia sẻ, đóng góp kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Các chuyên đề tập trung vào nội dung đổi mới phương pháp, đổi mới sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn chuyên môn chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy nhà trường [H1-1.4-06].

b) Hoạt động của tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ 01 lần/tháng và tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ 02 tuần/lần đã tiến hành rà soát, đánh giá và điều chỉnh tiến độ thực hiện hoạt động chuyên môn và các hoạt động khác về đổi mới phương pháp, đổi mới kiểm tra, đánh giá, đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học nhằm khắc phục kịp thời những tồn tại để điều chỉnh, bổ sung vào phương hướng kế hoạch học kỳ, năm học tiếp theo [H1-1.4-07].

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng thực hiện nghiêm túc, đầy đủ chức năng, nhiệm vụ trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường: Các giáo viên trong các tổ đăng ký các tiết dạy tốt trong các đợt hội giảng 20/10, 20/11, 26/3, các tổ chuyên môn tổ chức họp đánh giá, rút kinh nghiệm các giờ dạy;

hàng tuần, hàng tháng các giáo viên dự giờ các đồng nghiệp để học hỏi, cùng nhau trao đổi chuyên môn; tham gia giao lưu chuyên môn với các trường. Đầu năm, các tổ lập ra các kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém, kế hoạch dạy học buổi 2 [H1-1.4-04]; [H1-1.4-08].

Tổ văn phòng nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, triển khai thực hiện hiệu quả trong công tác quản lý nhân sự, tài chính, văn thư, học vụ, quản lý sức khỏe học sinh trên các chương trình phần mềm, rút ngắn thời gian xử lý công việc, nâng cao hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường [H1-1.4-09].

b) Các chuyên đề của tổ chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, giúp giáo viên và học sinh có thêm tư liệu tham khảo trong quá trình dạy và học, nhờ đó kết quả kỳ thi học sinh giỏi cấp huyện ngày một tăng, tỉ lệ học sinh yếu kém giảm. Tuy nhiên, các tổ được ghép nhiều bộ môn nên việc triển khai các chuyên đề gặp khó khăn [H1-1.4-04]; [H1-1.4-06]; [H1-1.4-08].

2. Điểm mạnh

Trường Trung học cơ sở Trung An có cơ cấu tổ chức phù hợp; Có đầy đủ các tổ chuyên môn, các bộ phận trong nhà trường theo yêu cầu của Điều lệ trường trung học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Các tổ chuyên môn đều có cơ cấu tổ chức hoạt động đúng theo quy định, có kế hoạch nâng cao chất lượng giảng dạy, nội dung hoạt động rõ ràng, cụ thể được đánh giá qua kết quả học tập của học sinh trong từng học kỳ và trong năm học. Chuyên đề do các tổ, nhóm bộ môn mang tính thiết thực, phù hợp với điều kiện của nhà trường đã góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục của nhà trường.

Đội ngũ giáo viên có phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao, yêu nghề, có ý chí phấn đấu phục vụ cho ngành giáo dục. Trình độ tay nghề chuyên môn của giáo viên khá vững vàng, ổn định.

3. Điểm yếu

Có tổ chuyên môn ghép nhiều bộ môn nên gặp khó khăn trong việc quản lý và tổ chức sinh hoạt chuyên môn, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023 - 2024, hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn, tổ văn phòng tiếp tục phát huy thế mạnh trong hoạt động sinh hoạt tổ chuyên môn và tổ văn phòng để nâng cao hiệu quả trong hoạt động nhà trường.

Hiệu trưởng chỉ đạo sắp xếp thời khóa biểu giảng dạy phù hợp đối với giáo viên ở các tổ ghép nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc sinh hoạt tổ chuyên môn; tăng cường kiểm tra, dự giờ, đánh giá việc thực hiện báo cáo chuyên đề và áp dụng vào tiết dạy của giáo viên.

Trong năm học 2024 - 2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng rà soát, sắp xếp lại tổ bộ môn, hạn chế tổ ghép nhiều môn để tạo điều kiện cho giáo viên tham gia sinh hoạt chuyên môn, chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau, đồng thời, tạo điều kiện để giáo viên bộ môn có số lượng ít tham gia sinh hoạt chuyên môn liên trường để cùng học hỏi, trao đổi kinh nghiệm với nhau.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

a) Có đủ các lớp của cấp học;

b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có các lớp được tổ chức đầy đủ theo quy định của cấp học gồm:

khối 6: 7 lớp, khối 7: 5 lớp, khối 8: 4 lớp, khối lớp 9: 5 lớp [H1-1.5-01].

b) Học sinh ở các lớp được bố trí một cách khoa học, hợp lý theo năng lực, trình độ và đều được quản lý chặt chẽ thông qua đội ngũ cán bộ lớp. Mỗi lớp có: 01 lớp trưởng, 02 lớp phó, mỗi lớp được chia thành 04 tổ, mỗi tổ có 01 tổ trưởng, 01 tổ phó được bầu ra ngay từ đầu năm học [H1-1.5-02].

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ dưới sự điều hành của lớp trưởng và các thành viên ban cán sự lớp: tự quản trật tự, học tập, nêu ý kiến xây dựng lớp, chăm sóc cây xanh của lớp, bảo vệ tài sản của lớp, của trường. Tuy nhiên, công tác vệ sinh môi trường, chăm sóc cây xanh và bảo vệ tài sản chung ở số lớp còn hạn chế [H1-1.5-03].

Mức 2:

Liên tục trong 05 năm qua, số lớp của trường không vượt quá 22 lớp, sĩ số học sinh bình quân của đa số các lớp không vượt quá 45 học sinh, đảm bảo tuân thủ theo quy định của Điều lệ trường trung học cở sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H1-1.5-01].

Mức 3:

Trong nhiều năm liền, tổng số lớp của trường không vượt quá 22 lớp, tuy nhiên số học sinh đều vượt hơn 40 học sinh/ lớp [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các khối lớp của cấp học, số lớp không vượt quá quy định, đa số sĩ số học sinh mỗi lớp không vượt quá 45 học sinh, thuận lợi cho việc giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh.

Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

3. Điểm yếu

Công tác vệ sinh môi trường, chăm sóc cây xanh và bảo vệ tài sản chung ở số lớp còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024 - 2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục phát huy sắp xếp học sinh ở các lớp khoa học, hợp lý theo năng lực, trình độ và tổ chức cho các lớp hoạt động tự quản, dân chủ. Bên cạnh đó, hiệu trưởng nhà trường tiếp

tục tham mưu Phòng Giáo dục và Đào tạo Củ Chi, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi đầu tư thêm cơ sở vật chất, bổ sung biên chế giáo viên để kéo giảm sĩ số học sinh trên mỗi lớp không vượt quá 40 học sinh/ lớp.

Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm quan tâm và giáo dục thêm ý thức học sinh về vệ sinh môi trường, chăm sóc cây xanh và bảo vệ tài sản chung tạo không gian lớp học xanh, sạch, đẹp.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ, lưu trữ đầy đủ và khoa học, đúng quy định, bao gồm:

- Đối với nhà trường: sổ đăng bộ [H1-1.6-01]; sổ theo dõi học sinh chuyển đi,

chuyển đến [H1-1.6-02]; sổ theo dõi phổ cập giáo dục [H1-1.6-03]; sổ gọi tên và ghi điểm [H1-1.6-04]; sổ ghi đầu bài [H1-1.6-05]; học bạ học sinh [H1-1.6-06]; sổ quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ [H1-1.6-07]; hồ sơ khen thưởng học sinh [H1-1.2-03]; hồ sơ kỷ luật học sinh [H1-1.2-04]; hồ sơ kiểm tra, đánh giá cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.6-08]; sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi, đến [H1-1.6-09]; sổ quản lý tài chính [H1-1.6-10]; sổ quản lý tài sản [H1-1.6-11]; hồ sơ quản lý thiết bị giáo dục[H1-1.6-12]; hồ sơ quản lý thư viện [H1-1.6-13]; hồ sơ theo dõi sức khỏe học sinh [H1-1.6-14]; hồ sơ giáo dục đối với học sinh khuyết tật [H1-1.6-15]; kế hoạch giáo dục của nhà trường [H1-1.6-16].

- Đối với tổ chuyên môn: kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn [H1-1.4-04]; sổ ghi chép nội dung sinh hoạt chuyên môn [H1-1.4-07].

- Đối với giáo viên: kế hoạch giáo dục của giáo viên [H1-1.6-17]; sổ ghi kế hoạch giảng dạy và ghi chép sinh hoạt chuyên môn [H1-1.6-18]; sổ thăm lớp, dự giờ [H1-1.6-19]; kế hoạch bài dạy [H1-1.6-20]; sổ theo dõi và đánh giá học sinh [H1-1.6-21]; sổ chủ nhiệm (nếu là giáo viên kiêm nhiệm chủ nhiệm) [H1-1.5-03].

b) Thực hiện tốt việc lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán và báo cáo tài chính, tài sản theo Luật Tài chính và quy định của Nhà nước [H1-1.6-22]. Cuối mỗi quý, mỗi năm thực hiện lập báo cáo tài chính về thu - chi ngân sách, báo cáo dự toán, báo cáo tài chính theo đúng quy định và báo cáo Phòng Tài chính và Kế hoạch huyện phê duyệt [H1-1.6-22]. Hằng năm, nhà trường tiến hành tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định và thực hiện công khai tài sản, tài chính của nhà trường theo thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.6-10]; [H1-1.6-11].

Nhà trường có xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ một cách dân chủ, công khai, rõ ràng, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế tại đơn vị, phù hợp với các quy định hiện hành [H1-1.6-23].

c) Quản lý, sử dụng tài chính và tài sản của nhà trường đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật, phục vụ hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường [H1-1.6-24].

Mức 2:

a) Nhà trường đã triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong công

tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường từ nhiều năm nay như phần mềm quản lý sổ điểm điện tử, phần mềm dịch vụ công trực tuyến, hệ thống quản lý hồ sơ cán bộ, giáo viên, nhân viên của Sở Nội vụ, phần mềm quản lý tài chính, tài sản (IMAS), cơ sở dữ liệu, trang quanly… [H1-1.6-25]; [H1-1.6-26]; [H1-1.6-27]; [H1-1.6-28].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1-1.6-24].

Mức 3:

Nhà trường chưa có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về công tác quản lý tài chính, tài sản. Thực hiện tốt công khai tài chính, tài sản và có đủ hồ sơ và được lưu trữ theo đúng quy định.

Nhà trường ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, tài chính và tài sản, không có vi phạm về quản lý hành chính, tài chính và tài sản ở mỗi đợt thanh tra, kiểm tra của Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Củ Chi.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch tài chính trung hạn, dài hạn để huy động sự đóng góp hiệu quả của các cá nhân, đơn vị, mạnh thường quân.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023 - 2024, hiệu trưởng tiếp tục triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, hành chính, tài chính, tài sản; thường xuyên cập nhật thông tin trên hệ thống các phần mềm đang sử dụng.

Hiệu trưởng chỉ đạo nhân viên kế toán tham mưu xây dựng kế hoạch tài chính trung hạn, dài hạn thiết thực để huy động được các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương trình Hội đồng trường lấy ý kiến và bắt đầu từ năm học 2024 - 2025.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tháng 8 hằng năm, hiệu trưởng thực hiện xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, bồi dưỡng chính trị hè, bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; Trên cơ sở đó cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho cá nhân cụ thể để thực hiện trong năm học; đồng thời tổ chức tập huấn đổi mới phương pháp dạy học qua việc xây dựng các chuyên đề, thao giảng ở các bộ môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Hiệu trưởng thường xuyên phân công giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; bồi dưỡng công tác chủ nhiệm, tham vấn học đường... do Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức hỗ trợ tích cực trong công tác giáo dục đạo đức cho học sinh [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02].

b) Vào đầu mỗi năm học, hiệu trưởng tham khảo dự thảo phân công chuyên môn của phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn, họp hội đồng giáo dục để lấy ý kiến đóng góp từ tập thể, qua đó phân công rõ ràng nhiệm vụ của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực công tác, vị trí việc làm, hoàn cảnh của từng giáo viên [H1-1.7-03].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhà trường được đảm bảo các quyền

lợi hợp pháp theo quy định: tham gia các lớp bồi dưỡng chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ; hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần và được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo; hưởng chế độ tiền lương và các phụ cấp theo lương, trợ cấp khác theo quy định; có chế độ hỗ trợ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo quy định [H1-1.7-04].

Mức 2:

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phù hợp với sở trường, năng lực công tác để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường. Tuy nhiên, vẫn có một vài giáo viên trẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy, giáo dục nên chất lượng giáo dục chưa cao. Bên cạnh đó, một vài giáo viên thực hiện công tác kiêm nhiệm nên chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc xử lý công tác mà mình đang phụ trách [H1-1.7-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt kế hoạch bồi dưỡng, phát triển đội ngũ hằng năm, tạo điều kiện để giáo viên tham gia học tập nâng cao chuyên môn nghiệp vụ để cải thiện chất lượng giáo dục. Hiệu trưởng phân công giáo viên, nhân viên hợp lý và đảm bảo các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu

Một số vị trí công tác tại đơn vị do giáo viên kiêm nhiệm nên giáo viên chưa có nhiều kinh nghiệm và chuyên sâu trong lĩnh vực mình phụ trách.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023 - 2024 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên, đồng thời phân công giáo viên có kinh nghiệm quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện để giáo viên trẻ xây dựng các chuyên đề, thao giảng, tiết dạy tốt để giáo viên mạnh dạn hơn, có nhiều kinh nghiệm hơn, thực hiện tốt hơn nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Vào đầu năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục dựa trên hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi [H1-1.6-16]. Thông qua họp Hội đồng, họp chủ nhiệm, hiệu trưởng đã phổ biến, quán triệt các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học, Luật Giáo dục, Điều lệ trường trung học, phân phối chương trình các môn học, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục hướng nghiệp đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03]; [H1-1.8-04]; [H1-1.8-05]; [H1-1.8-06]. Báo cáo tổng kết của nhà trường (báo cáo tổng kết năm học) luôn có nội dung về nhiệm vụ: nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động giáo dục [H1-1.1-04].

b) Nhà trường thực hiện đầy đủ các kế hoạch giáo dục trong nhà trường [H1-1.1-06]

c) Thường xuyên kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch giảng dạy của từng tổ bộ môn, của giáo viên nhằm chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót và bổ sung kịp thời để đảm bảo yêu cầu giảng dạy và các hoạt động chuyên môn khác [H1-1.6-05]. Đánh giá việc thực hiện giảng dạy, dự giờ, thăm lớp, sinh hoạt chuyên môn định kỳ của trường và cơ quan có thẩm quyền [H1-1.8-07]. Đánh giá việc thực hiện kế hoạch giảng dạy thông qua sổ ghi đầu bài [H1-1.6-05].

Mức 2

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ, phân công cụ thể thành viên tham gia kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các hoạt động giáo dục thông qua việc rà soát đánh giá hoạt động dạy - học, chất lượng giáo dục của bộ môn để điều chỉnh kế hoạch nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục của nhà trường thực hiện đúng quy định, có hiệu quả [H1-1.8-08]. Hiệu trưởng triển khai, phổ biến đầy đủ các quy định về dạy thêm, học thêm đến toàn thể giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh tại các buổi họp hội đồng giáo dục, họp cha mẹ học sinh về việc nhà trường không tổ chức dạy thêm học thêm trong trường [H1-1.1-06], [H1-1.8-09].

2. Điểm mạnh

Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên của lãnh đạo nhà trường và tổ trưởng chuyên môn giúp giáo viên nâng cao hơn ý thức thực hiện theo đúng kế hoạch giảng dạy, hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

Nhà trường đã thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Kế hoạch được triển khai đến các tổ, bộ phận để thực hiện và định kỳ có rà soát, đánh giá, điều chỉnh phù hợp với thực tế nhà trường.

3. Điểm yếu

Việc đưa ra các giải pháp điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế ở một số tổ nhóm chuyên môn chuyên môn đôi khi còn chậm trễ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023 - 2024 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục có biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá việc xây dựng, thực hiện kế hoạch dạy học và các hoạt động giáo dục khác của giáo viên. Đồng thời tăng cường rà soát, kiểm tra việc xây dựng kế hoạch giáo dục của các tổ bộ môn để có biện pháp nâng cao hiệu quả tham gia các hội thi của các tổ chuyên môn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hằng năm, hiệu trưởng phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn tổ chức Hội nghị Viên chức, người lao động để tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng nội quy, quy chế, các kế hoạch của nhà trường. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng nội quy, quy chế, giáo viên, nhân chưa mạnh đóng góp nhiều ý kiến [H1-1.9-01].

b) Nhà trường không có các khiếu nại, tố cáo; riêng những thắc mắc, kiến nghị của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường đều được hiệu trưởng, chủ tịch Công đoàn, Ban Thanh tra nhân dân giải quyết đúng trình tự và theo quy định của pháp luật [H1-1.9-02].

c) Hằng năm, nhà trường báo cáo kết quả thực hiện quy chế dân chủ cơ sở tại đơn vị về Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi, Liên đoàn Lao động huyện Củ Chi [H1-1.9-03].

Mức 2

Ban Thanh tra nhân dân căn cứ vào Nghị quyết của Hội nghị Cán bộ, công chức, viên chức và chỉ đạo của Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở để xây dựng chương trình giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.9-04].

2. Điểm mạnh

Các qui định của cấp trên và địa phương được nhà trường triển khai kịp thời,

nghiêm túc, đúng qui định. Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường chấp hành đúng nội quy, quy chế đề ra. Quy chế dân chủ tại đơn vị được triển khai, thực hiện nghiêm túc, mọi hoạt động của nhà trường đều được bàn bạc và công khai tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong nhà trường, không có đơn thưa, khiếu nại, tố cáo.

3. Điểm yếu

Giáo viên, nhân viên chua mạnh dạn đóng góp ý kiến để xây dựng nội quy, quy chế dân chủ tại đơn vị. Chưa phát huy được sức mạnh, trí tuệ của tập thể.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023 - 2024, hiệu trưởng tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến hoạt động của nhà trường. Tiếp tục thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

Từ năm 2024 và những năm tiếp theo, Ban Thanh tra nhân dân xây dựng biện pháp giám sát linh hoạt hơn, lĩnh vực giám sát phong phú hơn để tăng cường cơ chế giám sát.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Vào đầu năm học, hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập và phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong bộ phận đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong nhà trường. Nhà trường đã xây dựng Nghị quyết đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học [H1-1.10-01]; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích, an toàn phòng, chống cháy nổ, phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-03]; phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-04]; phòng, chống các tệ nạn xã hội, ma túy, HIV/AIDS [H1-1.10-05].

b) Nhà trường công khai số điện thoại của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh để phụ huynh, người dân thuận tiện liên lạc, phản ánh [H1-1.10-06]. Tình hình an ninh trật tự của nhà trường được tổ bảo vệ ghi lại trong sổ nhật kí và báo cáo với lãnh đạo nhà trường để kịp thời xử lý, đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường [H1-1.10-01].

c) Nhà trường thường xuyên tuyên truyền đến tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh về vấn đề bình đẳng giới nên trong những năm qua không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực hoặc vi phạm pháp luật về bình đẳng giới của tập thể sư phạm và học sinh trong nhà trường [H1-1.10-07]; [H1-1.10-08].

Mức 2

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phướng án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn,

phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai, phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường bằng các bản cam kết đầu năm, bằng các biện pháp tuyên truyền, giáo dục kỹ năng sống trong năm học [H1-1.10-09].

b) Nhà trường có trang bị "Hộp thư góp ý", Quy chế tiếp công dân, có lịch tiếp công dân và phân công người để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của học sinh và người dân. Tuy nhiên hộp thư góp ý chưa mang lại hiệu quả cao do người dân và học sinh ít tham gia đóng góp ý kiến [H1-1.10-07].

Nhà trường đã đảm bảo an toàn cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường: hiệu trưởng trực tiếp kiểm tra việc thực hiện của tổ bảo vệ, nhân viên y tế về tình hình an toàn điện nước, phòng chống cháy nổ, vệ sinh phòng chống dịch bệnh… Trong nhiều năm qua, tình hình an ninh trật tự trong và ngoài nhà trường học được đảm bảo tốt, trường được công nhận là cơ sở đảm bảo an toàn, an ninh trật tự theo Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi [H1-1.10-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thường xuyên phối hợp tốt với các lực lượng ngoài nhà trường, không để xảy ra tình huống xấu về an ninh, trật tự. Toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đều có ý thức góp phần đảm bảo tốt an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong nhà trường. Trong nhiều năm qua, nhà trường đã không để xảy ra hiện tượng mất an ninh, trật tự.

Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ, phòng chống tai nạn thương tích, an toàn vệ sinh thực phẩm và an toàn lao động

Nhà trường phối hợp chặt chẽ với công an xã để giữ gìn trật tự trước cổng trường.

3. Điểm yếu

Công tác đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm đôi lúc chưa tốt do còn một số hộ dân gần trường kinh doanh ăn uống.

Hộp thư góp ý chưa mang lại hiệu quả cao do người dân và học sinh ít tham gia đóng góp ý kiến.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục phát huy sự phối hợp với chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể và tập thể cán bộ, giáo viên, công nhân viên, học sinh nhà trường nhằm giữ gìn an ninh, an toàn trường học; tiếp tục phối hợp với Công an xã trong việc quản lý các hộ kinh doanh ăn uống xung quanh trường nhằm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và an ninh trật tự xung quanh trường.

Từ năm học 2023 - 2024, hiệu trưởng tăng cường công tác phối hợp ba môi trường giáo dục "gia đình - nhà trường và xã hội", tăng cường hoạt động của đội tự vệ để giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội trong nhà trường.

Đầu năm học 2024 - 2025, hiệu trưởng tuyên truyền ý nghĩa hộp thư góp ý, địa chỉ góp ý đến tất cả phụ huynh để thu hút người dân tham gia, đồng thời chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm giới thiệu đến phụ huynh hộp thư góp ý để phụ huynh thuận tiện tham gia.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật

Bộ máy nhà trường đủ về cơ cấu, mạnh về tổ chức. Hệ thống chính trị vững mạnh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Nhiều năm liền chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ, tập thể lao động tiên tiến, Công đoàn mạnh trở lên, chi đoàn được xếp loại xuất sắc và liên đội được xếp loại xuất sắc nhiều năm liên tục.

Trường có đủ cơ cấu lớp đảm bảo về số lớp, số học sinh. Chiến lược phát triển nhà trường vừa có tính dự báo, khoa học vừa phù hợp, khả thi đang chờ cấp trên phê duyệt. Nhà trường chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của địa phương và sự lãnh đạo, chỉ đạo của cơ quan quản lý giáo dục các cấp, đảm bảo Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường.

Quản lý tốt về hành chính, nhân sự, các hoạt động giáo dục, tài chính, tài sản. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; tích cực phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội trong trường.

Tất cả đảng viên thể hiện vai trò nòng cốt, xung kích trong các hoạt động của nhà trường. Công tác tạo nguồn phát triển đảng hằng năm đều đảm bảo chỉ tiêu. Trưởng các đoàn thể là những người tâm huyết, năng động trong công việc.

Điểm yếu cơ bản

Các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển còn chung chung, chưa cụ thể.

Trường chưa xây dựng được kế hoạch để tạo các nguồn kinh phí hợp pháp phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/10.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Một trong những nhân tố quan trọng quyết định sự thành công của nhà trường chính là nguồn nhân lực của đơn vị, từ đội ngũ cán bộ quản lý đến giáo viên, nhân viên và cả học sinh.

Nói đến nguồn nhân lực thực chất là nói đến số lượng và chất lượng của đội ngũ. Khi nói đến nguồn nhân lực trong giáo dục có nghĩa là nói đến đội ngũ nhà giáo và phẩm chất, năng lực nhà giáo. Đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên là lực lượng chủ yếu giữ vai trò quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu và kế hoạch đào tạo, là người có ảnh hưởng trực tiếp đến sự thành công hay thất bại của nhà trường. Vì vậy, việc chăm lo xây dựng đội ngũ nhà giáo là nhiệm vụ trọng tâm, là ưu tiên hàng đầu trong công tác quản lý của trường Trung học cơ sở Trung An.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường đã thể hiện rõ tính khoa học, chủ động, sáng tạo, hiệu quả có sự liên kết, hỗ trợ lẫn nhau một cách tích cực. Điều đó đã làm nên sức mạnh to lớn, tạo đà cho nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ năm học.

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là một trong những yếu tố đem lại kết quả giáo dục thật sự có chất lượng. Chính vì vậy, tiêu chuẩn này là một trong những tiêu chuẩn quan trọng, có tính chất quyết định chủ yếu đến chất lượng hoạt động giáo dục của nhà trường.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đều đạt chuẩn đào tạo về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cũng như trong công tác quản lý giáo dục [H2-2.1-01]. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đã có nhiều năm công tác, có kinh nghiệm và năng lực quản lý, đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục và Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H2-2.1-02].

b) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm cao thông qua các đợt đánh giá cuối năm. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được lãnh đạo đánh giá xếp loại khá trở lên theo quy định tại Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông theo chuẩn nghề nghiệp [H2-2.1-02].

c) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường đã tham gia lớp trung cấp lý luận chính trị; đã hoàn thành và được cấp chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục [H2-2.1-02].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng nhà trường luôn tích cực, nhiệt tình, có trách nhiệm cao, năng động, sáng tạo trong quá trình triển khai các hoạt động giáo dục đều được đánh giá và xếp loại khá trở lên theo quy định chuẩn hiệu trưởng [H2-2.1-01].

b) Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đã hoàn thành lớp trung cấp lý luận chính trị và tham gia bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới về tình hình chính trị Hằng năm do Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện tổ chức [H2-2.1-01]; [H2-2.1-03]. Cán bộ quản lý nhà trường Hằng năm được tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên tín nhiệm [H2-2.1-02].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và lãnh đạo đánh giá ở mức khá trở lên theo Quy định chuẩn hiệu trưởng trường trung học cơ sở, trong đó năm học 2018 - 2019, 2021 - 2022, 2022 - 2023 được đánh giá mức tốt. Tuy nhiên hiệu trưởng, phó hiệu trưởng còn hạn chế trong việc sử dụng ngoại ngữ [H2-2.1-02].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường được đào tạo đạt chuẩn theo quy định, có tinh thần trách nhiệm cao, có phẩm chất đạo đức tốt, có nhiều kinh nghiệm và năng lực quản lý tốt, luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, có tư duy đổi mới, sáng tạo, có tâm và có tầm trong quản lý.

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định, có đủ các bằng cấp, chứng chỉ, chứng nhận theo quy định của chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

3. Điểm yếu

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng còn hạn chế trong việc sử dụng ngoại ngữ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng sẽ thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, nâng cao hơn nữa ý thức tự học, tự rèn để đạt các tiêu chí, duy trì được đánh giá đạt chuẩn và xếp loại tốt theo quy định chuẩn Hiệu trưởng trường trung học, nhằm duy trì, phát huy những điểm mạnh đã đạt được.

Năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tiếp tục tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn để nâng cao hơn nữa trình độ sử dụng ngoại ngữ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100 % giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100 % giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít

nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tại thời điểm đánh giá, trường có 39 giáo viên; số lượng giáo viên đảm bảo về cơ cấu để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập [H2-2.2-01].

b) 100% giáo viên đều có trình độ đại học, đạt chuẩn về trình độ đào tạo theo quy định trong đó có 01 giáo viên trình độ thạc sĩ, đa số giáo viên đều có kinh nghiệm giảng dạy, công tác lâu năm trong ngành, nhiệt tình, tích cực, có trách nhiệm trong công việc [H2-2.2-01].

c) Từ năm học 2018 - 2019 đến nay, nhà trường đánh giá, xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông [H2-2.2-02], kết quả như sau:

Năm học	**Xếp loại**		
	Tốt	**Khá**	**Đạt**
2018 - 2019	39/40 (97,5 %)	0/40 (0 %)	
2019 - 2020	37/40 (92,5 %)	3/40 (7,5 %)	
2020 - 2021	33/39 (84,62 %)	06/39 (15,38 %)	
2021 - 2022	35/39 (89,74 %)	02/39 (5,13 %)	
2022 - 2023	38/39 (97,44 %)	01/39 (2,56 %)	

Mức 2:

a) Hiện nay nhà trường có 39 giáo viên đều đạt trình độ chuẩn trở lên, trong đó

có 01 giáo viên có trình độ trên chuẩn, đội ngũ giáo viên được phân công giảng dạy đúng chuyên môn đào tạo, thực hiện đúng quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông [H2-2.2-01].

Trình độ / Năm học	Cao đẳng	Đại học	Cao học
2018 - 2019	09	30	01
2019 - 2020	06	33	01
2020 - 2021	06	33	01
2021 - 2022	06	32	01
2022 - 2023	01	37	01

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường có 100 % giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên [H2-2.2-01].

c) Hằng năm, nhà trường đều quan tâm tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phân luồng cho học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở và phân công giáo viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học [H2-2.2-03]; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.9-04].

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100 % giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp từ loại khá trở lên, trong đó năm học 2022 - 2023, có 97,44 % giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp đạt loại tốt [H2-2.2-02].

b) Hoạt động nghiên cứu khoa học luôn được nhà trường tạo điều kiện trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên để phân công thực hiện Chương trình giáo dục và các hoạt động khác.

100 % giáo viên đều đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định. Tập thể giáo viên thực hiện tốt nhiệm vụ năm học, chuyên môn vững vàng, có nhiều kinh nghiệm

trong giảng dạy.

Nhà trường có 100 % giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên trong đó có trên 97,44 % đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt.

3. Điểm yếu

Giáo viên và học sinh chưa tham gia nhiều vào công tác nghiên cứu khoa học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023 - 2024, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch để giáo viên được bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ, tăng tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt.

Tiếp tục phân công cho các tổ chuyên môn tổ chức thực hiện các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, nghiên cứu khoa học.

Triển khai, nhân rộng các đề tài sáng kiến đã được Phòng Giáo dục và Đào tạo thẩm định để giáo viên học hỏi kinh nghiệm.

Thành lập các câu lạc bộ khoa học. Động viên, khuyến khích giáo viên tham gia hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 06 nhân viên trong đó có 01 nhân viên kế toán, 01 văn thư, 01 phục vụ, 01 nhân viên bảo vệ; 01 cán bộ thư viện và 01 nhân viên y tế [H2-2.3-01].

b) Các nhân viên và giáo viên kiêm nhiệm được phân công công việc phù hợp, theo đúng năng lực thực tế của từng người ứng với từng vị trí việc làm [H2-2.3-02].

c) Qua kết quả đánh giá hằng năm, 100 % nhân viên được nhà trường đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H2-2.3-03].

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên của nhà trường đảm bảo theo quy định theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn danh mục vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập. Nhà trường có 06 nhân viên trong đó có 01 nhân viên kế toán, 01 văn thư, 01 phục vụ, 01 nhân viên bảo vệ; 01 cán bộ thư viện và 01 nhân viên y tế trong định biên. Cơ cấu đủ số lượng theo quy định [H2-2.3-01].

b) Hằng năm, nhà trường đánh giá xếp loại nhân viên theo quy định. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có nhân viên bị xử lý kỷ luật [H2-2.3-03].

Mức 3:

a) Nhân viên kế toán có trình độ đại học chuyên ngành kế toán, nhân viên y tế có trình độ trung cấp y tế, nhân viên văn thư có trình độ đại học; nhân viên thư viện có trình độ đại học. Tuy nhiên, nhân viên thiết bị và nhân viên phụ trách công nghệ thông tin do giáo viên kiêm nhiệm, chưa đáp ứng trình độ đào tạo theo quy định. [H2-2.3-02].

b) Nhân viên nhà trường được cử tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm: tập huấn công tác văn thư, tập huấn công tác y tế [H2-2.3-02].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên kế toán, văn thư, y tế có trình độ trung cấp trở lên theo đúng chuyên môn; các nhân viên khác được tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm, được đảm bảo đầy đủ chế độ, chính sách theo quy định, có năng lực, phẩm chất chính trị, đạo đức tốt và luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ mà hiệu trưởng phân công.

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhân viên của trường không có trường hợp bị xử lý kỷ luật.

3. Điểm yếu

Chưa có nhân viên chuyên trách thiết bị và công nghệ thông tin.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Lãnh đạo nhà trường sẽ tham mưu và lập kế hoạch và tạo điều kiện để kế toán, văn thư đi học để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng theo luật giáo dục mới.

Trong năm 2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện thông qua Phòng Nội vụ huyện để tuyển dụng nhân viên thiết bị để đảm bảo trình độ đào tạo, đáp ứng yêu cầu công việc theo quy định.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;

c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hằng năm nhà trường tuyển sinh học sinh vào lớp 6 đúng độ tuổi theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, không có học sinh đi học trước tuổi quy định [H2-2.4-01].

b) Học sinh nghiêm túc thực hiện các nhiệm vụ của học sinh theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học: thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường, chấp hành nội quy nhà trường, những hành vi học sinh không được làm quy định trong Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và các quy định hiện hành khác [H2-2.4-02].

c) 100 % học sinh của trường được đảm bảo các quyền theo quy định như: được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện, được cung cấp thông tin về việc học của mình, được sử dụng cơ sở vật chất, các trang thiết bị phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hóa, thể thao, được tôn trọng, đối xử bình đẳng, dân chủ; được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật; được giáo dục kỹ năng sống [H2-2.4-03]; được nhận học bổng hoặc trợ cấp theo quy định đối với những học sinh được hưởng chính sách xã hội, những học sinh có khó khăn; được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật [H2-2.4-04].

Mức 2:

Nhà trường thường xuyên tuyên truyền, giáo dục học sinh biết phân biệt đúng sai, biết những hành vi học sinh không được làm, tham gia phản ánh kịp thời những trường hợp học sinh vi phạm nội quy để nhà trường có biện pháp giáo dục kịp thời, giúp học sinh nhận ra lỗi vi phạm của mình, từ đó hình thành trong học sinh lối sống đẹp, ứng xử văn minh, lịch sự hơn [H1-1.5-03].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tục trường đạt thành tích cao trong các hội thi, các phong trào văn hóa, thể dục thể thao, nét vẽ xanh do ngành tổ chức. Những thành tích trên tác động tích cực đến hoạt động dạy, học và các phong trào thi đua của nhà trường.

Trong giáo dục học sinh, nhà trường luôn quan tâm và nhân rộng những tấm gương tốt, đạt thành tích trong học tập, rèn luyện, trong tham gia các hội thi: học sinh giỏi cấp huyện, học sinh đạt giải khéo tay kỹ thuật cấp huyện, thành phố, học sinh đạt giải cuộc thi máy tính cầm tay cấp huyện, tuy nhiên vẫn còn một số học sinh chưa có ảnh hưởng tích cực trong các hoạt động của lớp, của trường [H2-2.4-04].

2. Điểm mạnh

Học sinh thực hiện đầy đủ 100 % các nhiệm vụ theo quy định Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Học sinh của trường đều đảm bảo quy định về độ tuổi. Đa số học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và được đảm bảo các quyền theo quy định, được khen thưởng kịp thời khi đạt thành tích cao trong các hoạt động.

3. Điểm yếu

Một số ít học sinh vẫn còn vi phạm những quy định về nội quy và những quy định học sinh không được làm, tuy nhiên chưa đến mức độ phải xử lý kỷ luật. Một số ít cha mẹ học sinh chưa có sự phối hợp tốt với nhà trường trong công tác giáo dục học sinh. Một số học sinh đạt thành tích trong các hội thi cấp huyện, thành phố chưa có ảnh hưởng tích cực trong các hoạt động của lớp, của trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng phân công tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Bí thư chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục học sinh, tuyên dương những học sinh có chuyển biến tích cực. Đồng thời tổ chức nhiều hoạt động phù hợp, nhiều sân chơi lành mạnh, bổ ích hơn nữa nhằm tạo mọi điều kiện để học sinh đạt thành tích trong các hội thi tích cực tham gia các hoạt động của lớp, của trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, công tác quản lý, được giáo viên, nhân viên trong trường

tín nhiệm ở mức cao trong nhiều năm liền.

100 % giáo viên nhà trường được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên.

Giáo viên, nhân viên nhà trường không bị xử lý kỷ luật.

100 % học sinh của trường đều được đảm bảo các quyền theo quy định của pháp luật và quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Điểm yếu cơ bản

Công tác hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học có thực hiện nhưng chưa sâu, chưa có tính lan tỏa trong học sinh, nhằm thu hút học sinh tham gia nghiên cứu khoa học.

Nhà trường chưa tuyển dụng được nhân viên thiết bị theo quy định.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/4.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học

Mở đầu:

Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học là một trong những yêu cầu quan trọng của quá trình hoạt động giáo dục. Cơ sở vật chất có đảm bảo đạt yêu cầu thì hoạt động dạy học mới đạt hiệu quả.

Xác định rõ vai trò trên, nhà trường luôn chú ý đến việc xây dựng khuôn viên nhà trường xanh, sạch, đẹp. Việc gom rác và xử lý chất thải được thực hiện hàng ngày và đã trở thành nền nếp.

Trong những năm qua, nhà trường đã không ngừng tranh thủ các nguồn đầu tư của nhà nước để chăm lo xây dựng cơ sở vật chất và tăng cường trang thiết bị dạy học.

Trường Trung học cơ sở Trung An có diện tích khuôn viên với 11.240,9 m^2, có biển trường và tường rào bảo vệ tương đối vững chắc, hệ thống nước sạch ổn định, đảm bảo môi trường xanh - sạch - đẹp.

Trường có đầy đủ phòng học và các phòng chức năng phục vụ cho hoạt động dạy và học. Phòng chức năng được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, đồ dùng dạy

học đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giáo viên và học sinh. Sân chơi và phòng tập thể dục đa năng rộng; có 01 nhà xe giáo viên và 01 khu để xe học sinh riêng; khu nhà vệ sinh và hệ thống cấp thoát nước được xây dựng đúng theo quy định.

Cơ sở vật chất và trang thiết bị đầy đủ phục vụ hoạt động dạy học và giáo dục của nhà trường một cách toàn diện.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m2/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m2/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có khuôn viên rộng với diện tích 11.240,9 m^2 , sân trường có nhiều cây xanh, mảng xanh tạo bóng mát. Hằng năm, cây cảnh được các lớp trồng và chăm sóc, tạo môi trường xanh, sạch, đẹp, tạo vẻ mỹ quan cho nhà trường. Nhân viên bảo vệ thường xuyên cắt tỉa các nhánh cây khô, dễ gãy đảm bảo an toàn trong các hoạt động giáo dục của nhà trường [H3-3.1-01].

b) Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có tường rào kiên cố bao quanh bảo đảm an toàn [H3-3.1-02], có cổng trường, biển tên trường theo quy định của Điều lệ

trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H3-3.1-03].

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu: trường có sân bóng chuyền và cầu lông... đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường. Tuy nhiên, phần sân tráng xi măng nên bị đóng rong vào mùa mưa gay trơn trượt cho học sinh [H3-3.1-04].

Mức 2:

Khu sân chơi thoáng mát đảm bảo diện tích đủ rộng cho học sinh vui chơi, sân chơi có nhiều cây xanh che mát, nhà trường có nhà thi đấu đa năng, bãi tập thể dục thể thao của trường có đủ thiết bị, dụng cụ để tập luyện đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-01]; [H3-3.1-04].

Mức 3:

Diện tích trường 11.240,9 m^2 với 864 học sinh, đạt 13,01 m^2/học sinh, khu nhà đa năng đủ diện tích theo quy định [H3-3.1-05].

2. Điểm mạnh

Trường có diện tích sử dụng và diện tích sân chơi bãi tập an toàn, thoáng mát, sạch sẽ để thực hiện đầy đủ nhiệm vụ giáo dục. Các khu chức năng được bố trí riêng biệt, khoa học và đảm bảo Mĩ quan trường học. Khuôn viên nhà trường luôn được giữ gìn vệ sinh đảm bảo môi trường "xanh - sạch - đẹp".

3. Điểm yếu

Sân trường được tráng xi măng, đã đưa vào sử dụng trên 10 năm nên đã hư hỏng, phần sân tráng xi măng lâu năm nước ứ đọng nhiều gây trơn trượt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 - 2024, nhà trường tiếp tục duy trì diện tích mảng xanh, tổ chức nhiều hoạt động giáo dục học sinh biết giữ gìn vệ sinh, phân loại rác tại nguồn và bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp; tham gia lao động vệ sinh trường lớp. Tăng cường các biện pháp xử lý rong rêu ở sân trường, tham mưu cấp trên sửa chữa lại nền sân chơi cho học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Trường có 22 phòng học, mỗi phòng có 02 quạt trần, 12 bóng đèn, đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát, với 24 bàn, 24 ghế đôi đảm bảo theo quy cách phù hợp với lứa tuổi học sinh, 01 bộ bàn ghế của giáo viên, 01 bảng từ dài 4,8m, ngang 1,2m, phông màn thoáng mát, đảm bảo cho việc học hai buổi/ngày của học sinh, đảm bảo thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập [H3-3.2-01].

b) Trường có đầy đủ các phòng học, phòng bộ môn thoáng mát, trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học theo quy định, phục vụ tốt cho công tác dạy và học, gồm: phòng thực hành khoa học tự nhiên 1, phòng thực hành khoa học tự nhiên 2, phòng thực hành khoa học tự nhiên 3, phòng Ngoại ngữ 1, phòng Ngoại ngữ 2, 01 phòng Công nghệ, 02 phòng Tin học, 01 phòng Âm nhạc, 01 phòng Mĩ thuật, 01 phòng thư viện (đọc sách), 02 phòng đa chức năng được thiết kế đủ ánh sáng, bàn ghế, an toàn tối đa cho học sinh, đáp ứng đủ yêu cầu hoạt động của nhà trường [H3-3.2-02].

c) Trường có 01 phòng Đoàn - Đội, 01 phòng truyền thống, 01 phòng thư viện trang bị đầy đủ các loại sách báo, tài liệu đáp ứng được nhu cầu của giáo viên và học sinh tham khảo, nghiên cứu [H3-3.2-03].

Mức 2

a) Phòng học, phòng học bộ môn của nhà trường được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập. Cầu thang rộng, từ hành lang vào phòng học không có bậc thuận tiện đi lại cho học sinh khuyết tật [H3-3.2-01].

b) Trường có khối phục vụ học tập đầy đủ theo quy định gồm: phòng thiết bị có đầy đủ tranh ảnh, đồ dùng phục vụ cho hoạt động giảng dạy [H3-3.2-02]. Thư viện nhà trường có máy tính kết nối Internet, phòng truyền thống, phòng hoạt động Đoàn - Đội [H3-3.2-03].

Mức 3:

Các phòng học và phòng học bộ môn được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất nhưng chưa đủ thiết bị dạy học theo quy định [H3-3.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị, phương tiện dạy học tối thiểu phục vụ công tác quản lý và giảng dạy; máy tính của nhà trường có kết nối internet phục vụ các hoạt động giáo dục đáp ứng yêu cầu.

Phòng học đầy đủ bàn ghế, đủ điều kiện ánh sáng, thoáng mát, phục vụ tốt cho hoạt động dạy học.

3. Điểm yếu

Phòng học, phòng học bộ môn và phòng đa chức năng chưa được trang bị đầy đủ thiết bị dạy học hiện đại, chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định**.**

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục theo dõi tiến độ thực hiện, sửa chữa, nâng cấp trường từ nguồn vốn nông thôn mới của thành phố, tiếp tục tham mưu Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp kính phí trang bị bổ sung các thiết bị hiện đại cho các phòng bộ

môn và phòng đa chức năng nhằm phục vụ tốt hơn cho công tác dạy và học.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có khối hành chính - quản trị gồm: phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, văn phòng, y tế, tài vụ, phòng công đoàn đáp ứng hoạt động của nhà trường [H3-3.3-01].

b) Khu để xe gồm 2 khu riêng biệt cho giáo viên và học sinh, có gắn camera giám sát đảm bảo an toàn, trật tự [H3-3.3-02].

c) Đầu và cuối mỗi năm học nhà trường đều cho các bộ phận tự kiểm tra các thiết bị: máy lạnh, máy quạt, máy in, máy photocopy, máy vi tính để có kế hoạch nâng cấp, sửa chữa, bổ sung kịp thời [H3-3.3-03].

Mức 2

Nhà trường được xây dựng 02 khối gồm 02 trệt, 02 lầu với 22 phòng học; có 01 hội trường, 01 phòng Hội đồng giáo dục.

Khối phòng hành chính - quản trị đảm bảo theo đúng quy định gồm 08 phòng: 01 phòng hiệu trưởng, 01 phòng phó hiệu trưởng, 01 phòng y tế, 01 phòng tài vụ, 01

phòng văn phòng, 01 phòng học vụ, 01 phòng Công đoàn và 01 phòng kho [H3-3.3-01].

Mức 3:

Các thiết bị, vật dụng trong các phòng thuộc khối hành chính - quản trị được sắp xếp hợp lý, khoa học, thuận lợi cho các hoạt động của nhà trường, tuy nhiên do các thiết bị được trang bị lâu năm, cấu hình máy lạc hậu, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của nhà trường [H3-3.3-04], trong các phòng học bộ môn mỗi phòng có diện tích khoảng 78m^2, bên trong các phòng đều có phòng chuẩn bị, tủ đựng thiết bị, được trang trí khẩu hiệu, nội quy phòng học, có bồn nước rửa tay cho giáo viên và học sinh sau khi thực hành [H3-3.2-05].

2. Điểm mạnh

Trường có các phòng học bộ môn, khối phòng hành chính - quản trị đủ đáp ứng nhu cầu học tập và giáo dục học sinh.

Trường có phòng y tế với trang thiết bị tối thiểu phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe và điều trị những bệnh thông thường cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Hệ thống máy tính trong nhà trường đều được kết nối internet, đủ đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập cho giáo viên và học sinh.

3. Điểm yếu

Các thiết bị trong các phòng thuộc khối hành chính - quản trị được trang bị lâu năm, cấu hình máy lạc hậu, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch mua sắm trang thiết bị cho khối hành chính - quản trị, định kỳ thực hiện kiểm tra, sửa chữa, nâng cấp cấu hình máy để phục vụ cho các hoạt động của nhà trường.

Trong năm 2023, hiệu trưởng chỉ đạo tổ trưởng văn phòng hướng dẫn các bộ phận kiểm tra, đề xuất sửa chữa, trang bị mới máy in, máy vi tính để phục vụ tốt hơn cho công việc.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có công trình vệ sinh từng loại riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh. Có 04 khu nhà vệ sinh được ngăn thành nam - nữ riêng biệt; vị trí phù hợp với cảnh quan trường học, an toàn, thuận tiện và được làm vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Đối với học sinh khuyết tật hoà nhập chưa có khu nhà vệ sinh riêng phù hợp với đặc điểm của học sinh để hỗ trợ học sinh khuyết tật thuận lợi hơn trong việc học hoà nhập [H3-3.4-01].

b) Khu nhà vệ sinh có hệ thống thoát nước đảm bảo thông thoáng, vệ sinh, không bị ứ đọng nước [H3-3.4-02]. Nhà trường hợp đồng với công ty Cổ phần hạ tầng nước Sài Gòn cung cấp nước sạch để phục vụ cho sinh hoạt của giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.4-03]; sử dụng nước tinh khiết đóng bình của cơ sở Vĩnh Hảo đảm bảo đã qua kiểm nghiệm và đạt chuẩn chất lượng [H3-3.4-04].

c) Rác thải sinh hoạt được phân loại tại nguồn, rác được thu gom hàng ngày đem đi xử lý đúng nơi quy định. Nhà trường hợp đồng dịch vụ thu gom rác của xã Trung An, đảm bảo việc thu gom rác, phân loại và xử lý chất thải đúng quy định, bảo vệ môi trường, hệ thống rác được thu gom, xử lý hàng tuần [H3-3.4-05]. Trường có bố trí nơi tập kết rác cách xa khu lớp học và phòng làm việc đảm bảo vệ sinh môi

trường. Tuy nhiên, do xây dựng lâu, một số thiết bị vệ sinh hư hỏng, xuống cấp [H3-3.4-06].

Mức 2

a) Các khu nhà vệ sinh được xây dựng ngay cầu thang lên xuống ở cuối mỗi dãy phòng, có khu nhà vệ sinh riêng cho học sinh nam và nữ, nhà vệ sinh riêng cho giáo viên nam và nữ thuận tiện, bố trí phù hợp với cảnh quan trường học, an toàn, thuận tiện, sạch sẽ [H3-3.4-01].

b) Hệ thống cung cấp nước sạch đạt chuẩn quy định [H3-3.4-03], hệ thống thoát nước thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Y tế: có hệ thống thoát nước đảm bảo thông thoáng, kín đáo, không rò rỉ gây ô nhiễm môi trường xung quanh [H3-3.4-02], thùng đựng rác có nắp đậy và phân loại rác dễ vệ sinh, khử trùng, có hệ thống thu gom, xử lý rác thải [H3-3.4-05], nơi tập kết rác cách xa phòng học, phòng làm việc [H3-3.4-06].

2. Điểm mạnh

Trường học xanh, sạch, đẹp và hệ thống rác được thu gom, xử lý hằng ngày. Rác thải sinh hoạt được phân loại tại nguồn và sau đó được đem đi xử lý đúng nơi quy định.

Trường có đầy đủ công trình vệ sinh tự hoại cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Hệ thống khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường, phù hợp cảnh quan chung của nhà trường.

3. Điểm yếu

Hệ thống nhà vệ sinh xây dựng lâu, một số thiết bị vệ sinh hư hỏng, xuống cấp cần được sửa chữa, thay thế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023 - 2024 và các năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục hợp đồng với công ty cung cấp nước sạch, nước uống đóng bình và dịch vụ thu gom rác thải và xử lý rác thải đúng quy định.

Trong từng năm học, hiệu trưởng phân công bộ phận y tế kiểm tra chất lượng vi sinh nước sinh hoạt và chất lượng nước uống đóng bình.

Hiệu trưởng nhà trường tiếp tục tham mưu Phòng Giáo dục và Đào tạo Củ Chi, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi sửa chữa lại, thay thế một số thiết bị hư hỏng của nhà vệ sinh học sinh để đáp ứng yêu cầu sử dụng cho học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Tất cả các phòng hành chính đều được trang bị đầy đủ thiết bị văn phòng: hệ thống máy vi tính có kết nối Internet, máy in, máy photocopy và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường [H3-3.5-01].

b) Nhà trường có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường có phòng thiết bị dạy học được bố trí hợp lý thuận tiện cho giáo viên mượn đồ dùng dạy học, có tủ đựng thiết bị, được sắp xếp ngăn nắp, gọn gàng [H3-3.5-02].

c) Hằng năm vào đầu năm học, các tổ chuyên môn và bộ phận thiết bị đều được

yêu cầu kiểm kê, đề xuất sửa chữa các thiết bị dạy học phục vụ cho hoạt động giáo dục [H3-3.5-03].

Mức 2

a) Hiện nay nhà trường đã nâng cấp các đường truyền Internet, đảm bảo kết nối Internet cho 100 % máy tính khu hành chính, máy phòng vi tính và wifi tại các phòng học phục vụ cho giảng dạy [H3-3.5-04].

b) Trường được trang bị đầy đủ thiết bị dạy học cho mỗi môn học theo quy định [H3-3.5-02].

c) Hằng năm Các tổ chuyên môn và bộ phận thiết bị đều được yêu cầu kiểm kê, đề xuất sửa chữa và mua mới, nâng cấp, bổ sung thiết bị dạy học và đầu năm học [H3-3.5-05], phát động hội thi tự làm đồ dùng dạy học để bổ sung cho các thiết bị dạy học, phục vụ tốt hơn cho việc giảng dạy [H3-3.5-06].

Mức 3:

Các phòng thực hành thí nghiệm của nhà trường được trang bị đầy đủ các thiết bị [H3-3.5-02], thiết bị dạy học được giáo viên khai thác, sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H3-3.5-07]. Tuy nhiên, các đồ dùng dạy học tự làm chưa nhiều, chưa phong phú [H3-3.5-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có phòng thiết bị được bố trí hợp lý thuận tiện cho giáo viên mượn đồ dùng dạy học, có tủ đựng thiết bị, được sắp xếp ngăn nắp, gọn gàng.

Thiết bị dạy học được mua sắm và bổ sung sửa chữa vào đầu năm học. Giáo viên sử dụng đồ dùng dạy học trên lớp đầy đủ. Các thiết bị được kiểm kê hằng năm, sửa chữa khi hư hỏng nhỏ.

Trường có đủ phòng thực hành thí nghiệm và thiết bị trang bị đầy đủ theo quy định.

3. Điểm yếu

Cán bộ phụ trách thiết bị còn chưa qua lớp đào tạo nghiệp vụ nên đôi lúc còn hạn chế trong chuyên môn.

Đồ dùng dạy học tự làm chưa nhiều, chưa phong phú, chủ yếu là tranh ảnh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục trang bị các thiết bị dạy học theo quy định, định kỳ kiểm kê, sửa chữa, bổ sung, tiếp tục phát huy hiệu quả sử dụng các thiết bị dạy học.

Trường tiếp tục có kế hoạch đưa giáo viên kiêm nhiệm công tác thiết bị tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về công tác thiết bị để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ khi có chiêu sinh mở lớp bồi dưỡng.

Trong tháng 6 năm 2024, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch và tổ chức làm đồ dùng dạy học để nâng cao số lượng, chất lượng đồ dùng dạy học tự làm, phục vụ hiệu quả hơn các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Bộ phận thư viện tham mưu xây dựng kế hoạch vận động học sinh toàn trường đóng góp sách cũ để tăng thêm số lượng đầu sách cho thư viện.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Thư viện trường được trang bị khang trang, đầy đủ ánh sáng và có phòng đọc sách riêng cho cán bộ, giáo viên và học sinh, có máy vi tính kết nối Internet. Thư viện có tổng số sách là 7.169 cuốn. Trong đó, sách giáo khoa 3.216 cuốn; sách bồi dưỡng nghiệp vụ 586 cuốn; sách tham khảo 2.424 cuốn; sách thiếu thi 943 cuốn. Ngoài ra, thư viện còn có các loại báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường. Thư viện luôn được trang bị mảng xanh và sắp xếp gọn gàng, một cách khoa học [H3-3.6-01], [H3-3.6-02].

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng tốt nhu cầu đọc sách, nghiên cứu, dạy học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Nhân viên thư viện thực hiện các loại sổ sách theo quy định, tổ chức tiết học ở thư viện, hoạt động kể chuyện theo sách, hội thi lớn lên cùng sách đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Việc đọc sách của học sinh đạt tỉ lệ khá cao [H3-3.6-02], [H3-3.5-03], [H3-3.6-04].

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo [H3-3.5-03]. Tiếp tục đầu tư thêm đầu sách từ nguồn kinh phí hằng năm để phục vụ giáo viên và học sinh. Bộ phận chuyên trách thư viện tham mưu xây dựng kế hoạch vận động học sinh toàn trường đóng góp sách cũ để tăng thêm số lượng đầu sách cho thư viện. Tuy nhiên, số lượng đầu sách phục vụ cho giáo viên và học sinh vào tra cứu tại thư viện còn ở mức đáp ứng nhu cầu, chưa phong phú. Số lượng máy vi tính trang bị tại phòng thư viện còn rất ít, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu tra cứu của giáo viên và học sinh.

Mức 2

Hằng năm, đoàn kiểm tra công tác thư viện của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi đến kiểm tra và công nhận trường nhiều năm liền đạt thư viện trường học tiên tiến [H3-3.6-05].

Mức 3:

Thư viện của nhà trường chưa duy trì đạt mức thư viện trường học tiên tiến [H3-3.6-05], thư viện có máy vi tính kết nối với Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học và các hoạt động khác của nhà trường, tuy nhiên số lượng máy vi tính

còn rất ít, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu tra cứu của giáo viên và học sinh [H3-3.6-06].

2. Điểm mạnh

Thực hiện đầy đủ đúng quy định về công tác xây dựng thư viện đạt chuẩn. Thường xuyên tổ chức cho học sinh đọc sách, tham khảo tài liệu hoặc mượn sách thư viện. Thông tin rộng rãi về hoạt động nhà trường bằng website của trường cũng như mạng internet.

Thư viện trường khang trang, thoáng mát, đầy đủ ánh sáng, máy vi tính có kết nối Internet, sách, báo trong thư viện nhà trường được sắp xếp gọn gàng, khoa học, nhiều năm liền thư viện trường được công nhận thư viện trường học tiên tiến.

Thư viện phối hợp với bộ phận Đoàn-Đội tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao việc đọc sách của học sinh như: Hội thi Kể chuyện theo sách, Hội thi Lớn lên cùng sách.

3. Điểm yếu

Số lượng đầu sách phục vụ cho giáo viên và học sinh vào tra cứu tại thư viện còn ở mức đáp ứng nhu cầu, chưa thật phong phú.

Số lượng máy vi tính trang bị tại phòng thư viện còn rất ít, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu tra cứu của giáo viên và học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Bộ phận chuyên trách thư viện tiếp tục có kế hoạch phối hợp với bộ phận Đoàn-Đội tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao việc đọc sách của học sinh như: Hội thi Kể chuyện theo sách, Hội thi Lớn lên cùng sách.

Tiếp tục tham mưu xây dựng kế hoạch mua trang bị thêm những sách tham khảo đáp úng cho chương trình giáo dục phổ thông 2018 và vận động học sinh toàn trường đóng góp sách cũ để tăng thêm số lượng đầu sách cho thư viện.

Năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi đầu tư bổ sung thêm máy vi tính cho thư viện để đáp ứng tốt hơn nhu cầu nghiên cứu của giáo viên và học sinh và tiến tới xây dựng thư viện thông minh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Nhà trường có khuôn viên rộng, thông thoáng, có đầy đủ hệ thống tường rào, cổng, biển trường, sân chơi bãi tập theo chuẩn. Có đầy đủ khu sân chơi, bãi tập, nhà tập đa năng đáp ứng yêu cầu luyện tập thể dục thể thao và tổ chức các hoạt động giáo dục nhà trường.

Nhà trường có khu vực nhà để xe giáo viên, học sinh được bố trí trật tự, ngăn nắp.

Sách, báo trong thư viện nhà trường được sắp xếp khoa học, kho sách được bổ sung hằng năm.

Tổ chức nhiều hoạt động liên quan đến việc phát triển tình yêu sách của học sinh.

Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị dạy học theo quy định, hằng năm có bổ sung, sửa chữa phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và các hoạt động khác của nhà trường. Thiết bị dạy học được sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

Điểm yếu cơ bản:

Chưa có khu nhà vệ sinh riêng phù hợp với đặc điểm của học sinh để hỗ trợ học sinh khuyết tật thuận lợi hơn trong việc học hoà nhập.

Số lượng máy vi tính trang bị cho thư viện ít, chưa đáp ứng tốt nhu cầu nghiên cứu, tìm hiểu của giáo viên.

Đồ dùng dạy học tự làm chưa phong phú, chưa đáp ứng nhu cầu.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 00/06.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Để thực hiện nhiệm vụ được giao, trường Trung học cơ sở Trung An đã phối hợp với gia đình và xã hội trong việc giáo dục học sinh. Nhà trường hướng dẫn, phổ biến, tuyên truyền pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh nhằm nâng cao trách nhiệm giáo dục con em. Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể trong và ngoài nhà trường thực hiện giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo

đức, lối sống để xứng đáng là con ngoan, trò giỏi.

Sự phối hợp giữa 03 môi trường giáo dục gia đình - nhà trường - xã hội luôn được nhà trường đặc biệt quan tâm góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện. Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn gắn bó và hỗ trợ nhà trường trong mọi hoạt động. Đảng ủy và chính quyền cùng các ban ngành đoàn thể xã Trung An luôn quan tâm sâu sát và tạo mọi điều kiện để nhà trường thực hiện nhiệm vụ giáo dục tại địa phương.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Vào đầu mỗi năm học nhà trường đều tổ chức Đại hội cha mẹ học sinh các lớp, bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp để tham dự Đại hội cha mẹ học sinh toàn trường, bầu Ban đại diện cha mẹ học sinh trường theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4-4.1-01]. Ban đại diện cha mẹ học sinh được bầu chọn theo đúng hướng dẫn và hoạt động theo đúng Điều lệ ban hành theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4-4.1-02]. Ban đại diện cha mẹ học sinh có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 6 của

Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT. Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng quy chế hoạt động, đề ra kế hoạch hoạt động trong năm học và được thống nhất trong tập thể cha mẹ học sinh toàn trường [H4-4.1-03].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch hoạt động và tổ chức các hoạt động theo nguyên tắc đồng thuận, thống nhất trong Ban đại diện cha mẹ học sinh và triển khai, phổ biến rộng rãi đến tất cả cha mẹ học sinh toàn trường đúng với Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4-4.1-03].

c) Nhà trường đã kết hợp Ban đại diện cha mẹ học sinh trường tổ chức cuộc họp toàn thể cha mẹ học sinh, Ban đại diện cha mẹ học sinh theo định kỳ 1 năm 3 lần (đầu năm học, cuối học kỳ 1 và cuối học kỳ 2) và họp đột xuất; tiếp thu ý kiến của Ban đại diện cha mẹ học sinh về công tác quản lý, công tác giảng dạy của nhà trường, thống nhất các biện pháp phối hợp giáo dục học sinh và giúp lãnh đạo nhà trường giải quyết những kiến nghị của cha mẹ học sinh [H4-4.1-01], [H4-4.1-04].

Mức 2

Nhà trường đã kết hợp Ban đại diện cha mẹ học sinh trường tổ chức cuộc họp toàn thể cha mẹ học sinh, Ban đại diện cha mẹ học sinh theo định kỳ 1 năm 3 lần (đầu năm học, cuối học kỳ 1 và cuối học kỳ 2) và họp đột xuất; tiếp thu ý kiến của Ban đại diện cha mẹ học sinh về công tác quản lý, công tác giảng dạy của nhà trường, thống nhất các biện pháp phối hợp giáo dục học sinh và giúp lãnh đạo nhà trường giải quyết những kiến nghị của cha mẹ học sinh [H4-4.1-01], [H4-4.1-04].

Mức 3:

Đa số các thành viên trong Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Tuy nhiên, còn một vài thành viên trong chưa phối hợp kịp thời với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn trong công tác giáo dục học sinh [H4-4.1-04].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp, trường được thành lập và hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, phối hợp tốt với nhà trường trong công tác giáo dục học sinh.

Đa số các thành viên trong Ban đại diện cha mẹ học sinh nhiệt tình, năng nổ, luôn quan tâm đến chất lượng giáo dục của nhà trường và tích cực phối hợp hỗ trợ nhà trường trong công tác quản lý, giáo dục học sinh, thực hiện tốt công tác xã hội hóa, xây dựng xã hội học tập.

3. Điểm yếu

Một vài thành viên trong Ban đại diện cha mẹ học sinh chưa thật quan tâm đến một số hoạt động chung của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023 - 2024 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng sẽ tiếp tục phối hợp, tạo điều kiện để Ban đại diện Cha mẹ học sinh trường, lớp phát huy, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh.

Tiếp tục duy trì tốt mối quan hệ giữa nhà trường và Ban đại diện Cha mẹ học sinh, nhất là giữa giáo viên chủ nhiệm với cha mẹ học sinh trong việc phối hợp công tác quản lý và giáo dục học sinh; Hiệu trưởng thường xuyên gặp gỡ, trao đổi với thường trực Ban đại diện cha mẹ học sinh về các biện pháp giáo dục, khen thưởng học sinh nhằm phát huy hơn nữa hiệu quả hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường đã chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường [H4-4.2-01]

b) Thực hiện tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, của ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường đến tất cả cha mẹ học sinh, học sinh và cộng đồng để cùng nâng cao nhận thức, trách nhiệm chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước [H4-4.1-01], [H4-4.2-02].

c) Hằng năm, căn cứ vào điều kiện thực tế, nhà trường đã đề xuất với UBND và các ban ngành đoàn thể xã Trung An thực hiện công tác huy động nguồn kinh phí từ các cá nhân, tập thể để cải tạo cơ sở vật chất nhà trường đúng quy định, như: công trình lưới lan trong sân trường, công trình Màn cửa sổ tại các phòng học... Căn cứ vào kết quả huy động, nhà trường xây dựng kế hoạch sử dụng và sử dụng theo đúng quy

định để tăng cường phương tiện thiết bị dạy học, hỗ trợ các hoạt động giáo dục, khen thưởng học sinh, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn được đến trường. Tuy nhiên, nguồn lực được hỗ trợ còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu của đơn vị [H4-4.2-03].

Mức 2:

a) Nhà trường đã chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương xã Trung An về kế hoạch và chiến lược phát triển nhà trường; phối hợp với Ban nhân dân các ấp hỗ trợ và vận động trẻ đến tuổi ra lớp, học sinh bỏ học trở lại lớp [H4-4.2-04].

b) Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương [H4-4.2-05].

Mức 3:

Nhà trường chưa tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã chủ động tham mưu cho cấp ủy Đảng và chính quyền xã Trung An về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường. Huy động được sự hỗ trợ tích cực của chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể, cha mẹ học sinh và các tổ chức cá nhân để đóng góp xây dựng cơ sở vật chất; tăng thêm phương tiện, thiết bị dạy học; khen thưởng học sinh giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc trong học tập và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

3. Điểm yếu

Sự đóng góp các nguồn lực tự nguyện để xây dựng cơ sở vật chất còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023 - 2024 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng tích cực tham

mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương huy động mọi tiềm lực từ các tổ chức xã hội, đoàn thể, cá nhân tham gia đóng góp vào các hoạt động giáo dục của nhà trường, xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

Hiệu trưởng xây dựng chương trình cụ thể nhằm huy động sự đóng góp các nguồn lực tự nguyện để xây dựng cơ sở vật chất; tăng thêm phương tiện, thiết bị dạy học; khen thưởng học sinh giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc trong học tập và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh cơ bản: Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp và Ban đại diện cha mẹ học sinh trường được kiện toàn ngay từ đầu năm học, thực hiện tốt nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh đã góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động giáo dục học sinh.

Nhà trường đã huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện, theo quy định của các tổ chức, cá nhân đặc biệt là Ban đại diện cha mẹ học sinh để xây dựng cơ sở vật chất; tăng thêm phương tiện, thiết bị dạy học; khen thưởng học sinh học giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc khác và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Sự tham gia và phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và phụ huynh đã tạo cho giáo viên phấn khởi công tác đảm bảo tốt cho hoạt động dạy và học.

Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với Đảng ủy và chính quyền địa phương về kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của trường do đó đã tranh thủ được sự lãnh đạo toàn diện của các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương, tranh thủ được sự quan tâm ủng hộ của địa phương về những chủ trương lớn của nhà trường. Nhờ sự phối hợp này, nhà trường cũng đã nhận được sự ủng hộ tinh thần, vật chất của các tổ chức đoàn thể, cá nhân trên địa bàn để góp phần chăm lo cho sự nghiệp trồng người.

Những điểm yếu cơ bản: Một số ít cha mẹ học sinh chưa quan tâm đến công tác phối hợp với nhà trường để giáo dục các em, nhất là cha mẹ học sinh của các em chưa ngoan.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 2/2

Số tiêu chí không đạt: 0/2.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Trường tổ chức đầy đủ các hoạt động giáo dục theo chương trình và kế hoạch do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Hoạt động đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá được đẩy mạnh nhằm nâng cao chất lượng. Trường thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục của địa phương.

Việc bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh yếu kém luôn được nhà trường quan tâm đúng mức. Các hoạt động ngoại khóa về văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cũng được thường xuyên tổ chức lồng ghép trong các chủ đề giáo dục ngoài giờ lên lớp. Trường đã tổ chức giáo dục toàn diện và giáo dục mũi nhọn cho học sinh một cách linh hoạt và hiệu quả. Qua đó, chất lượng giáo dục của nhà trường đã có sự chuyển biến về mọi mặt: tỉ lệ học sinh tốt nghiệp, lên lớp thẳng, tỉ lệ học sinh giỏi, học sinh tiên tiến Hằng năm đều tăng.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, năng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm nhà trường thực hiện đúng kế hoạch thời gian của năm học, tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.6-16].

b) Giáo viên vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực: dạy học tích hợp, phương pháp bàn tay nặn bột, dạy học theo định hướng giáo dục STEM… để tổ chức các hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường, học sinh được bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn [H1-1.4-04]; [H1-1.6-20].

c) Nhà trường thực hiện các hình thức kiểm tra, đánh giá theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT đối với khối 6,7,8 và Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT kết hợp Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT đối với khối 9 bằng nhiều hình thức đa dạng, kết hợp đánh giá nhận xét với cho điểm, đảm bảo khách quan, đúng quy định, nội dung kiểm tra bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình, có câu hỏi vận dụng, liên hệ thực tế, đảm bảo tính chính xác, rõ ràng, vừa sức, phù hợp với từng đối tượng học sinh [H1-1.6-15]; [H1-1.6-16]; [H5-5.1-01].

Mức 2:

a) Nhà trường luôn thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục theo đúng tiến độ, không cắt xén chương trình, đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng theo quy định, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh, đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh [H1-1.6-15]; [H1-1.6-16].

b) Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu ngay trong hè đối với học sinh khối 8 [H5-5.1-02]; bên cạnh đó, nhà trường cũng quan tâm đến công tác phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện

để hỗ trợ, giúp đỡ các em nắm bắt kiến thức cơ bản trong quá trình học tập bộ môn. [H5-5.1-03].

Mức 3:

Hằng năm, hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn thực hiện rà soát, đánh giá, phân tích kết quả thực hiện việc tổ chức các hoạt động giáo dục, qua đó điều chỉnh, bổ sung nội dung, biện pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy học [H1-1.8-07]. Tuy nhiên, các tổ chuyên môn chưa đánh giá chất lượng bộ môn đúng thực chất, chưa phân tích kĩ nguyên nhân để tìm ra các giải pháp thực hiện nâng cao chất lượng dạy và học của học sinh.

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các bộ môn và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục.

Đội ngũ giáo viên xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch giáo dục bộ môn theo đúng tiến độ kế hoạch giáo dục của nhà trường. Công tác rà soát, kiểm tra và đánh giá của cán bộ quản lý được tiến hành thường xuyên nhằm đảm bảo việc thực hiện chương trình của giáo viên, của nhà trường diễn ra theo đúng tiến độ đề ra.

Hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng, đúng quy định, phù hợp với năng lực học sinh.

3. Điểm yếu

Các tổ chuyên môn chưa đánh giá chất lượng bộ môn đúng thực chất, chưa phân tích kĩ nguyên nhân để tìm ra các giải pháp thực hiện nâng cao chất lượng dạy và học của học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục triển khai, tổ chức hoạt động dạy học và các hoạt động khác đúng quy định. Thường xuyên tổ chức kiểm tra việc áp dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu, nội dung chương trình. Tiếp tục thực hiện các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đảm bảo khách quan, hiệu quả, phù hợp với phẩm chất và năng lực của học sinh.

Từ năm học 2023 - 2024, sau mỗi học kỳ, hiệu trưởng tổ chức cho các tổ chuyên

môn rà soát, đánh giá cụ thể, phân tích và đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Vào đầu các năm học nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, giao cho các tổ chuyên môn tổ chức thực hiện [H1-1.8-05].

b) Nhà trường tổ chức thực hiện phụ đạo cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh yếu ở các bộ môn Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh và bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu các bộ môn để học sinh tham gia các hội thi: học sinh giỏi lớp 9, Văn hay chữ tốt, Khéo tay kỹ thuật, Máy tính cầm tay, ... theo đúng kế hoạch đề ra [H5-5.1-03]; [H5-5.1-04].

c) Vào cuối các học kỳ, cuối năm học nhà trường yêu cầu các tổ, nhóm chuyên

môn, giáo viên bộ môn được giao cho phụ trách rà soát, đánh giá kết quả bồi dưỡng học sinh có năng khiếu [H5-5.2-01], phụ đạo, giúp đỡ học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, từ đó hiệu trưởng có nội dung chỉ đạo, giải pháp thực hiện cụ thể trong thời gian tới [H5-5.1-03].

Mức 2:

Nhà trường xây dựng kế hoạch cụ thể, tổ chức nhiều hoạt động giáo dục phong phú, phù hợp cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch đề ra [H1-1.8-05].

Mức 3:

Những năm qua, nhà trường có học sinh đạt giải học sinh giỏi bộ môn cấp thành phố, nhưng chưa nhiều [H1-1.2-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường quan tâm nhiều đến các đối tượng học sinh đặc biệt là những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Trong nhiều năm qua**,** cán bộ quản lý nhà trường luôn quan tâm đến công tác bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém, nên số lượng học sinh được công nhận các kỳ thi cấp huyện ngày càng tăng. Tuy nhiên, số học sinh giỏi cấp thành phố chưa nhiều.

3. Điểm yếu

Học sinh yếu kém đa phần lười học, đôi khi ít hợp tác với giáo viên nên hiệu quả chưa đạt được như mong muốn.

Số lượng học sinh giỏi cấp thành phố còn hạn chế, chưa đều qua các năm học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Vào cuối các học kỳ, cuối năm học nhà trường yêu cầu các tổ, nhóm chuyên môn, giáo viên bộ môn được giao cho phụ trách rà soát, đánh giá kết quả bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo, giúp đỡ học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, từ đó hiệu trưởng có nội dung chỉ đạo, giải pháp thực hiện cụ thể trong thời gian tới.

Hiệu trưởng chỉ đạo công tác Đoàn, Đội, cùng giáo viên chủ nhiệm tăng cường

tổ chức các hoạt động vui chơi bổ ích nhằm tạo sân chơi cho các em, giảm căng thẳng trong học tập, tạo môi trường thân thiện, gắn kết trong giáo dục. Từ đó xây dựng ý thức, thái độ học tập tốt.

Trong năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng phát huy hơn nữa công tác chỉ đạo giáo viên tích cực phụ đạo, giúp đỡ học sinh khó khăn trong học tập và rèn luyện. Đồng thời tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, tạo nguồn phát triển để học sinh đạt giải học sinh giỏi bộ môn cấp thành phố.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H5-5.3-01].

b) Hằng năm, nhà trường thực hiện kiểm tra, đánh giá đầy đủ các nội dung giáo dục địa phương theo đúng quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo và các văn bản chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức kiểm tra việc học lịch sử địa phương của học sinh và cho các em viết thu hoạch sau khi tìm hiểu, để học sinh tiếp thu tốt nội dung giáo dục địa phương [H1-1.4-04], [H5-5.3-02].

c) Vấn đề giáo dục địa phương đã được nhà trường triển khai thực hiện theo tài liệu Giáo dục địa phương Khối 6,7, 8 theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018

và lồng ghép qua các môn học như: Lịch sử, Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục công dân, các tiết hoạt động Giáo dục ngoài giờ lên lớp…đối với học sinh Khối 9 [H5-5.3-01].

Mức 2:

Trong quá trình giảng dạy các môn học và các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, nội dung giáo dục địa phương được thực hiện lồng ghép đầy đủ, đảm bảo phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn, nội dung giáo dục địa phương về lịch sử, văn hóa, địa lý kinh tế - xã hội đã bồi đắp thêm cho học sinh tình yêu quê hương, tự hào về truyền thống quê hương mình, nhất là đối với các giá trị lịch sử, văn hóa như lễ hội, làng nghề truyền thống, giúp các em tích cực tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ tại địa phương; giữ gìn vệ sinh môi trường, nhất là việc chăm sóc, gìn giữ và bảo tồn các di tích lịch sử văn hóa tại địa phương [H1-1.6-16]; [H1-1.6-17]; [H1-1.6-20]; [H5-5.3-01].

2. Điểm mạnh

Trong những năm qua, nhà trường luôn quan tâm xây dựng kế hoạch giáo dục địa phương phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, địa phương. Qua đó, giáo dục được tình yêu quê hương đất nước và giáo dục ý thức trách nhiệm cho học sinh.

Công tác rà soát, đánh giá, cải tiến, điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương được nhà trường cập nhật đầy đủ, sát với thực tế.

3. Điểm yếu

Tài liệu giảng dạy cho giáo viên và tài liệu tham khảo cho học sinh về nội dung giáo dục địa phương chưa phong phú, phần lớn giáo viên tự chủ động cập nhật tài liệu để giảng dạy.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng nhà trường chủ động lập kế hoạch phối hợp với đoàn thể địa phương tổ chức cho học sinh tham quan, tìm hiểu và chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa, địa lí kinh tế - xã hội tại địa phương để giáo dục học sinh về truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc cho học sinh hiệu quả hơn.

Trong năm học 2023 - 2024, hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm thường

xuyên tổ chức ngoại khóa lồng ghép hoạt động thực tiễn của các cơ sở địa phương, khuyến khích giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm và học sinh sưu tầm bổ sung các tư liệu, tranh ảnh, bản đồ về địa phương để nâng cao hiệu quả dạy và học giáo dục địa phương. Đồng thời giáo viên tham gia giảng dạy giáo dục địa phương tích cực hơn nữa trong việc tìm kiếm nguồn tư liệu, nguồn học liệu cung cấp thêm cho học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Vào đầu năm học, tùy theo điều kiện thực tế, cán bộ quản lý nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, giáo dục ngoài giờ lên lớp, hướng nghiệp cho học sinh theo quy định, phù hợp với điều kiện của nhà trường và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Hoạt động trải nghiệm tổ chức thông qua hoạt động ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp hoặc tổ chức 01 lần/ năm học ngoài nhà trường cho học sinh [H1-1.6-16]; [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03]; [H1-1.8-06]; [H5-5.4-01].

b) Hằng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường [H1-1.8-01].

c) Nhà trường phối hợp với Trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp huyện Củ Chi xây dựng và thực hiện có hiệu quả kế hoạch hoạt động hướng nghiệp, dạy nghề phổ thông cho học sinh, ngoài ra, các em học sinh lớp 9 hằng năm đều được nhà trường tổ chức tham quan hướng nghiệp và tư vấn nghề nghiệp ở học kỳ II, học sinh tất cả các khối đảm bảo được tổ chức trải nghiệm học tập thực tế 01 lần/năm học [H5-5.4-01]. [H1-1.6-16]; [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03]; [H1-1.8-06]; [H5-5.4-02].

d) Hiệu trưởng nhà trường phân công, huy động giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, nhân viên tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với học sinh phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường trong từng đợt tổ chức, điều đó là cơ sở để nhà trường thực hiện tốt công tác tư vấn phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở [H1-1.6-16]; [H1-1.8-06]; [H5-5.4-01].

Hiệu trưởng phân công giáo viên chủ nhiệm, tổng phụ trách tham gia các buổi sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt chủ điểm của bộ môn Hoạt động trải nghiệm-hướng nghiệp theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 [H5-5.4-01].

Mức 2

a) Nhà trường tiến hành tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong hoặc ngoài nhà trường với các hình thức phong phú, phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với học sinh và đạt kết quả thiết thực [H1-1.6-16]; [H1-1.8-03]; [H2-2.2-03]; [H5-5.4-02].

b) Hằng năm, nhà trường đều tiến hành rà soát và đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện. Tuy nhiên, đôi khi việc đánh giá, rà soát các kế hoạch chưa kịp thời [H5-5.4-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường.

Nhà trường tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm và hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh hằng năm. Học sinh của trường được tham gia học các nghề

phổ thông phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Ngoài ra trường thực hiện đầy đủ các chủ đề hướng nghiệp theo quy định, điều đó là cơ sở để nhà trường thực hiện tốt công tác tư vấn phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở.

3. Điểm yếu

Việc đánh giá, rà soát kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp đôi khi chưa kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh theo quy định, phù hợp với điều kiện của nhà trường. Phối hợp, mời một số trường nghề trong huyện, thành phố hằng năm tổ chức tư vấn giúp các em tìm hiểu các nghề, nhu cầu thị trường lao động hiện nay từ đó các em có ý thức, biết định hướng nghề nghiệp cho bản thân.

Tổ chức Đoàn, Đội xây dựng kế hoạch hoạt động tham quan trải nghiệm học sinh tham gia dâng hương, chăm sóc, quét dọn khu di tích Gò Môn, các khu di tích lịch sử trong địa bàn xã Trung An.

Kết thúc năm học, hiệu trưởng tổ chức họp để đánh giá, rà soát kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kịp thời gian quy định.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và tuyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Vào đầu năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng tiếp thu, nhận thức học tập của học sinh, phù hợp với điều kiện của nhà trường và địa phương thông qua lồng ghép vào các hoạt động ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp, nhà trường ký hợp đồng với Công ty Cổ phần phát triển giáo dục quốc gia GAIA để giáo dục kỹ năng sống cho học sinh 01 tiết/ tuần [H1-1.8-04].

b) Việc giáo dục kỹ năng sống trong nhà trường giúp học sinh rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, học sinh nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật, đặc biệt học sinh không vi phạm Luật Giao thông đường bộ, thực hiện tốt công tác phòng chống đuối nước và các tai nạn thương tích khác. Thông qua hoạt động giáo dục kỹ năng sống, học sinh từng bước hoàn thiện đạo đức và nhân cách, hình thành lối sống phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và tuyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

c) Thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa, hoạt động giáo dục kỹ năng sống, đạo đức, lối sống của học sinh được hình thành và phát triển, học sinh ứng xử có văn hóa, đoàn kết, thân ái, giúp đỡ bạn có hoàn cảnh khó khăn, biết giữ vệ sinh chung, ... học sinh phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam [H5-5.5-03].

Mức 2:

a) Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện: học sinh nhận xét bài làm của mình, của bạn, tính điểm

trung bình môn, trung bình cuối kỳ, năm học, xếp loại học lực, hạnh kiểm của mình theo Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 07 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định đánh giá học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông [H5-5.3-02].

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước được hình thành và phát triển thông qua hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp ứng xử, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ứng phó, kỹ năng nhận thức, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng kiềm chế cảm xúc, kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng quản lý thời gian học tập và sinh hoạt có hiệu quả, kỹ năng chia sẻ, làm việc nhóm…[H5-5.5-02]; [H2-2.4-03].

2. Điểm mạnh

Trường thực hiện giáo dục kỹ năng sống cho học sinh thông qua các môn học trên lớp, các hoạt động ngoại khóa, chương trình giáo dục của Công ty Cổ phần phát triển giáo dục quốc tế GAIA phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương.

Đạo đức, lối sống của học sinh được hình thành và phát triển, học sinh ứng xử có văn hóa, đoàn kết, thân ái, giúp đỡ bạn có hoàn cảnh khó khăn, biết giữ vệ sinh chung, ... phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

3. Điểm yếu

Công tác giáo dục giới tính trong nhà trường vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu giáo dục cho học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch và tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh với nhiều hình thức đa dạng, phong phú cho học sinh như: thông qua các môn học, tiết sinh hoạt lớp,

sinh hoạt dưới cờ, tổ chức hoạt động ngoại khóa; phối hợp tốt với chính quyền địa phương tuyên truyền phổ biến pháp luật cho học sinh...Từ đó, thu hút, khuyến khích học sinh tham gia các hoạt động, đồng thời nhà trường cũng quan tâm phân công giáo viên, nhóm học sinh để giúp đỡ, hướng dẫn, hỗ trợ các em học sinh còn nhút nhát từng bước tích cực tham gia các hoạt động.

Lãnh đạo nhà trường tiếp tục liên hệ với công ty giáo dục kỹ năng sống GAIA dạy chương trình kỹ năng sống cho học sinh, giúp nâng cao kỹ năng sống cần thiết cho các em.

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo Đoàn, Đội kết hợp với giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm tăng cường quan tâm hướng dẫn học sinh biết xây dựng, hình thành, trình bày các ý tưởng nghiên cứu khoa học giáo viên đầu tư, hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học với đề tài thiết thực mang lại hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường Trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường Trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường Trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường Trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường Trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường Trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường Trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường đề ra [H1-1.4-08]; [H1-1.1-04].

Năm học	Kết quả đạt được	
	Học lực xếp loại từ trung bình trở lên	Hạnh kiểm xếp loại khá, tốt
2018 - 2019	95,31 %	100 %
2019 - 2020	97,87 %	100 %
2020 - 2021	96,59 %	100 %
2021 - 2022	95,99 %	100 %
2022 - 2023	95,49 %	100 %

b) Tỉ lệ học sinh lên lớp thẳng và tốt nghiệp trung học cơ sở đạt trên 95%, đạt yêu cầu theo kế hoạch nhà trường đề ra [H1-1.1-04]; [H5-5.6-01].

Năm học	Kết quả đạt được	
	Học sinh lên lớp thẳng	Tốt nghiệp trung học cơ sở
2018 - 2019	95,31 %	100 %
2019 - 2020	97,87 %	100 %
2020 - 2021	96,59 %	99,56 %
2021 - 2022	95,99 %	100 %
2022 - 2023	95,49 %	99,47 %

c) Hằng năm, nhà trường phối hợp với Trường Trung cấp nghề Củ Chi, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên, Trường Trung cấp Bách khoa Sài Gòn, Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng tổ chức tư vấn hướng nghiệp cho học sinh lớp 9 nhằm định hướng phân luồng cho các em học sinh lớp 9 sau tốt nghiệp trung

học cơ sở theo định hướng chung của thành phố, đạt yêu cầu theo kế hoạch nhà trường đề ra [H5-5.6-02].

Mức 2

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh trong thời gian tổ chức giảng dạy trực tiếp được duy trì ổn định, trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá hạnh kiểm khá tốt của học sinh đạt tỉ lệ trên 99 % và học lực khá – giỏi duy trì ở mức trên 65 % [H1-1.1-04].

Kết quả		**Năm học 2018 - 1019**	**Năm học 2019 - 2020**	**Năm học 2020 - 2021**	**Năm học 2021 - 2022**	**Năm học 2022 - 2023**
Học lực	Khá- Giỏi	65,43 %	77,54 %	68,81 %	68,85 %	65,79 %
	Trung bình	29,88 %	20,33 %	27,78 %	27,14 %	29,57 %
	Yếu- Kém	4,69 %	2,13 %	3,41 %	4,01 %	4,51 %
Hạnh Kiểm	Khá- Tốt	100 %	100 %	100 %	100 %	100 %
	Trung bình	0,00 %	0,00 %	0,00 %	0,00 %	0,00 %
Lên lớp thẳng		95,31 %	97,87 %	96,59 %	95,99 %	95,49 %
Lên lớp sau khi thi lại		71,43 %	45,45 %	73,68 %	68,97 %	58,06 %
Lên lớp		97,78 %	98,62 %	98,23 %	98,66 %	97,62 %
Hoàn thành tốt nghiệp trung học cơ sở		100 %	100 %	99,56 %	100 %	99,47 %

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỉ lệ học sinh lên lớp (lên lớp thẳng và lên lớp sau khi thi lại) và tỉ lệ học sinh tốt nghiệp của trường giữ vững ổn định đạt trên 99 %, đạt chỉ tiêu đề ra [H1-1.1-04]; [H5-5.6-01].

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ học sinh khá giỏi được duy trì ổn định, đạt chỉ tiêu đề ra, tỉ lệ học sinh lưu ban hằng năm được kéo giảm và tỉ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở đạt chỉ tiêu đăng ký thi đua hằng năm. Chất lượng giáo dục hằng năm của nhà trường ngày càng ổn định đã tạo nên sự tin tưởng của chính quyền địa phương và cha mẹ học sinh.

Công tác hướng nghiệp, phân luồng cho học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở được quan tâm thực hiện đạt yêu cầu đề ra.

3. Điểm yếu

Tỉ lệ học sinh lưu ban, học sinh bỏ học chưa thực sự ổn định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục thực hiện công tác định hướng phân luồng cho học sinh theo kế hoạch đề ra. Tiếp tục phát huy kết quả học lực, hạnh kiểm đã đạt được, duy trì ổn định và nâng cao hơn nữa tỉ lệ học sinh khá giỏi.

Năm học 2023 - 2024, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tăng cường chỉ đạo giáo viên đẩy mạnh công tác phụ đạo học sinh yếu kém góp phần kéo giảm nhiều hơn nữa tỉ lệ học sinh lưu ban và tỉ lệ học sinh yếu kém.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu về thể thao được cấp có thẩm quyền ghi nhận. Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Nhà trường quan tâm công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh theo quy định. Học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, giáo dục đạo đức, lối sống và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước được hình thành và phát triển.

Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm tính đến thời điểm đánh giá.

Điểm yếu cơ bản:

Số lượng đạt học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp thành phố còn hạn chế.

Tỉ lệ học sinh yếu kém, học sinh lưu ban còn cao.

Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng các tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 00/06.

Đánh giá chung tiêu chuẩn 5: Đạt.

Phần III

KẾT LUẬN CHUNG

Báo cáo tự đánh giá của trường Trung học cơ sở Trung An được hoàn thành phản ánh kết quả toàn diện các mặt hoạt động của nhà trường, giúp nhà trường đề ra chiến lược phát triển trong những năm tiếp theo, xác định tầm nhìn, đánh giá công tác quản lý và tổ chức hoạt động của nhà trường. Qua đó đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, thực hiện các chương trình hoạt động giáo dục và công tác quản lý tài chính, cơ sở vật chất, sự phối hợp giữa nhà trường với cha mẹ học sinh. Kết quả giáo dục học sinh là tiêu chuẩn phản ánh chính xác, khách quan nhất về chất lượng hai mặt giáo dục của nhà trường.

Đối chiếu với kết quả của các hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong những năm qua với bộ tiêu chuẩn đánh giá trường Trung học cơ sở theo Thông tư số 18/2018/TT- BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, trường Trung học cơ sở Trung An tự đánh giá mức độ chất lượng giáo dục mà trường đạt được như sau:

Về chỉ báo: Mức 2:

+ Tổng số các chỉ số đạt: 84/84 – Tỷ lệ: 100 %.

+ Các chỉ số không đạt: 00/84 - Tỷ lệ: 0 %

Về tiêu chí:

+ Tổng số các tiêu chí đạt: 28/ 28 - Tỷ lệ: 100 %.

+ Tổng số tiêu chí không đạt: 00/ 28 - Tỷ lệ: 0%.

Theo Thông tư số 18/2018/TT- BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, trường Trung học cơ sở Trung An tự đánh giá đạt Mức 2.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục của trường Trung học cơ sở Trung An về công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường phổ thông.

Nhà trường kính mong được cơ quan chủ quản, cấp ủy, chính quyền địa phương, các thành viên trong Hội đồng đánh giá ngoài đóng góp ý kiến để công tác tự đánh giá của nhà trường ngày càng đạt chất lượng và hoàn thiện hơn.

Cơ sở giáo dục đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ: 2

Cơ sở giáo dục đề nghị đạt chuẩn quốc gia Mức độ: 1

Củ Chi, ngày .....tháng ..... năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Đào Công Văn

Phần IV. Phụ lục

BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường	Giai đoạn 2020 - 2025	Hiệu trưởng	Văn phòng
	2	[H1-1.1-02]	Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Trung An	Giai đoạn 2023 - 2025	Hiệu trưởng	Văn phòng
	3	[H1-1.1-03]	Biên bản niêm yết công khai	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	Nhân viên văn thư
	4	[H1-1.1-04]	Báo cáo tổng kết, sơ kết	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, nhân viên văn	Văn phòng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	thư	
	5	[H1-1.1-05]	Biên bản rà soát chiến lược	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng, Thư ký hội đồng	Văn phòng
	6	[H1-1.1-06]	Biên bản họp hội đồng sư phạm	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Thư ký hội đồng	Văn phòng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Hồ sơ thành lập, hoạt động hội đồng trường	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng, chủ tịch Công đoàn	Văn phòng
	2	[H1-1.2-02]	Hồ sơ thi đua khen thưởng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng, nhân viên văn thư, tổng phụ trách Đội	Văn phòng
	3	[H1-1.2-03]	Hồ sơ thi đua khen thưởng học sinh	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng, nhân viên văn thư	Văn phòng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023		
	4	[H1-1.2-04]	Quyết định thành lập Hội đồng xử lý kỷ luật học	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng, nhân viên học vụ	Văn phòng
	5	[H1-1.2-05]	Hồ sơ tuyển	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng, nhân viên học vụ	Văn phòng
	6	[H1-1.2-06]	Hồ sơ xét tốt nghiệp Trung	Năm học 2018 - 2019	Hiệu trưởng	Văn phòng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
			học cơ sở	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023		
	7	[H1-1.2-07]	Quyết định thành lập Hội đồng khoa học cấp trường	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng, chủ tịch Công đoàn	Văn phòng
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Quyết định công nhận ban chấp hành Công đoàn cơ sở	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022	Chủ tịch Công đoàn	Công đoàn

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm học 2022 - 2023		
	2	[H1-1.3-02]	Quyết định chuẩn y nhân sự ban chấp hành chi đoàn trường Trung học cơ sở Trung An	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	BCH Đoàn xã Trung An	Chi đoàn
	3	[H1-1.3-03]	Quyết định công nhận Ban Chỉ Huy Liên Đội Trung học cơ sở Trung An	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hội Đồng Đội huyện Củ Chi	
	4	[H1-1.3-04]	Sổ họp Công Đoàn	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020	Công Đoàn	Công Đoàn

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023		
	5	[H1-1.3-05]	Sổ họp Chi Đoàn	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Chi Đoàn	Chi Đoàn
	6	[H1-1.3-06]	Sổ họp Liên Đội	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Liên Đội	Liên Đội

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	7	[H1-1.3-07]	Quyết định công nhận chi ủy	Giai đoạn 2015 - 2020 Giai đoạn 2020 - 2025	Đảng ủy xã Trung An	Chi bộ
	8	[H1-1.3-08]	Kết quả hoạt động của chi bộ	Năm 2018 Năm 2019 Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022	Hiệu trưởng	Chi bộ
	9	[H1-1.3-09]	Kế hoạch hoạt động Công đoàn	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022	Chủ tịch Công đoàn	Công đoàn

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm học 2022 - 2023		
	10	[H1-1.3-10]	Kế hoạch hoạt động Chi Đoàn	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Bí thư chi đoàn	Chi đoàn
	11	[H1-1.3-11]	Hồ sơ hoạt động Liên Đội	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Tổng phụ trách Đội	Tổng phụ trách Đội
	12	[H1-1.3-12]	Giấy chứng nhận Chi bộ đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ	Năm 2018 Năm 2019	Giáo viên phụ tráchhồ sơ hoạt	Văn thư

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022	ông nghệ sơ hoạt	
	13	[H1-1.3-13]	Giấy khen CĐCS hoàn thành tốt các nhiệm vụ trong hoạt động Công đoàn	Năm 2018 Năm 2019 Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022	Liên Đoàn Lao động huyện Củ Chi	Công đoàn
	14	[H1-1.3-14]	Giấy khen Chi đoàn hoàn thành xuất sắc công tác Đoàn và phong trào Thanh niên	Năm 2018 Năm 2019 Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022	Xã Đoàn xã Trung An	Chi đoàn

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	15	[H1-1.3-15]	Giấy khen - Bằng khen Liên Đội hoàn thành xuất sắc công tác Đội và phong trào thiếu nhi	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hội Đồng Đội huyện Củ Chi	Tổng phụ trách Đội
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng	Số 11623/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2022	Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi	Văn phòng
	2	[H1-1.4-02]	Quyết định bổ nhiệm phó hiệu trưởng	Số 3599/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2018	Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi	Văn phòng
	3	[H1-1.4-03]	Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020	Hiệu trưởng	Văn phòng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023		
	4	[H1-1.4-04]	Kế hoạch tổ chuyên môn	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn	Văn phòng
	5	[H1-1.4-05]	Kế hoạch tổ văn phòng	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Tổ trưởng văn phòng	Văn phòng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	6	[H1-1.4-06]	Các chuyên đề chuyên môn	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn	Chuyên môn
	7	[H1-1.4-07]	Biên bản họp tổ	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Tổ trưởng chuyên môn	Văn phòng
	8	[H1-1.4-08]	Báo cáo sơ kết, tổng kết tổ chuyên môn	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Tổ trưởng chuyên môn	Văn phòng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023		
	9	[H1-1.4-09]	Hồ sơ quản lý hành chính, tài chính trên mạng	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng, nhân viên Văn thư, nhân viên kế toán	Văn phòng
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Danh sách học sinh các lớp	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Nhân viên học vụ, công nghệ thông tin	Văn phòng
	2	[H1-1.5-02]	Biên bản họp bầu ban cán	Năm học 2018 - 2019	Hiệu trưởng,	Văn phòng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
			sự lớp	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	giáo viên	
	3	[H1-1.5-03]	Sổ chủ nhiệm	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng, giáo viên	Văn phòng
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Sổ đăng bộ	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022	Nhân viên học vụ	Văn phòng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm học 2022 - 2023		
	2	[H1-1.6-02]	Sổ theo dõi học sinh chuyển đi chuyển đến	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Nhân viên học vụ	Văn phòng
	3	[H1-1.6-03]	Thống kê công tác phổ cập giáo dục	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Phổ cập giáo dục	Văn phòng
	4	[H1-1.6-04]	Sổ gọi tên ghi điểm	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020	Nhân viên học vụ	Văn phòng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023		
	5	[H1-1.6-05]	Sổ ghi đầu bài	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Nhân viên học vụ	Văn phòng
	6	[H1-1.6-06]	Học bạ học sinh	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Nhân viên học vụ	Văn phòng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	7	[H1-1.6-07]	Sổ quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Nhân viên học vụ	Văn phòng
	8	[H1-1.6-08]	Hồ sơ kiểm tra, đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	Văn phòng
	9	[H1-1.6-09]	Sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ văn bản đi, đến	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Nhân viên văn thư	Văn phòng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023		
	10	[H1-1.6-10]	Sổ quản lý tài chính	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Nhân viên kế toán	Văn phòng
	11	[H1-1.6-11]	Sổ quản lý tài sản	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Nhân viên kế toán	Văn phòng
	12	[H1-1.6-12]	Sổ quản lý thiết bị giáo dục	Năm học 2018 - 2019	Giáo viên quản	Văn phòng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	lý thiết bị	
	13	[H1-1.6-13]	Hồ sơ quản lý thư viện	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Nhân viên thư viện	Văn phòng
	14	[H1-1.6-14]	Hồ sơ theo dõi sức khỏe học sinh	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022	Nhân viên y tế	Văn phòng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm học 2022 - 2023		
	15	[H1-1.6-15]	Hồ sơ giáo dục đối với học sinh khuyết tật	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng, giáo viên	Văn phòng
	16	[H1-1.6-16]	Kế hoạch giáo dục nhà trường	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Văn phòng
	17	[H1-1.6-17]	Kế hoạch giáo dục của giáo viên	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020	Hiệu trưởng, giáo viên	Văn phòng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023		
	18	[H1-1.6-18]	Sổ ghi chép chuyên môn của giáo viên	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Giáo viên	Văn phòng
	19	[H1-1.6-19]	Sổ dự giờ	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Giáo viên	Văn phòng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	20	[H1-1.6-20]	Kế hoạch bài dạy	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Tổ trưởng chuyên môn, giáo viên	Văn phòng
	21	[H1-1.6-21]	Sổ theo dõi và đánh giá học sinh	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Học vụ, công nghệ thông tin	Văn phòng
	22	[H1-1.6-22]	Báo cáo quyết toán	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Nhân viên kế toán	Văn phòng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023		
	23	[H1-1.6-23]	Quy chế chi tiêu nội bộ	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng, nhân viên kế toán	Văn phòng
	24	[H1-1.6-24]	Biên bản kiểm tra tài chính	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng, nhân viên kế toán	Văn phòng
	25	[H1-1.6-25]	Phần mềm IMAS	Năm 2019, 2020,	Hiệu trưởng,	Văn phòng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				2021, 2022	nhân viên kế toán	
	26	[H1-1.6-26]	Phần mềm SMAS	Năm 2019, 2020, 2021, 2022	Nhân viên công nghệ thông tin	Văn phòng
	27	[H1-1.6-27]	Phần mềm EPMIS	Năm 2019, 2020, 2021, 2022	Phó hiệu trưởng, Nhân viên công nghệ thông tin	Văn phòng
	28	[H1-1.6-28]	Cơ sở dữ liệu, chuyển trường	Năm 2019, 2020, 2021, 2022	Phó hiệu trưởng	Văn phòng
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022	Hiệu trưởng, nhân viên văn thư	Văn phòng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm học 2022 - 2023		
	2	[H1-1.7-02]	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó hiệu trưởng, nhân viên văn thư	Văn phòng
	3	[H1-1.7-03]	Bảng phân công chuyên môn	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó hiệu trưởng	Văn phòng
	4	[H1-1.7-04]	Bảng lương, phụ cấp	Năm 2019	Phó hiệu trưởng	Văn phòng
	5	[H1-1.7-05]	Báo cáo bồi dưỡng thường	Năm 2020	Phó hiệu trưởng	Văn phòng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
			xuyên			
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch tổ chức dạy 2 buổi /ngày	Năm 2021	Phó hiệu trưởng	Văn phòng
	2	[H1-1.8-02]	Kế hoạch giáo dục NGLL	Năm 2022	Phó hiệu trưởng	Văn phòng
	3	[H1-1.8-03]	Kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo	Năm 2023	Phó hiệu trưởng, giáo viên dạy nghề	Văn phòng
	4	[H1-1.8-04]	Kế hoạch tổ chức dạy kỹ năng sống	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Tổ trưởng chuyên môn	Văn phòng
	5	[H1-1.8-05]	Kế hoạch tổ chức bồi	Năm học 2018 - 2019	Hiệu trưởng,	Văn phòng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
			dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	nhân viên văn thư	
	6	[H1-1.8-06]	Kế hoạch giáo dục hướng nghiệp	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	Văn phòng
	7	[H1-1.8-07]	Biên bản rà soát kế hoạch giáo dục tổ	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022	Tổ trưởng chuyên môn	Văn phòng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm học 2022 - 2023		
	8	[H1-1.8-08]	Hồ sơ kiểm tra của Phòng Giáo dục	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	Văn phòng
	9	[H1-1.8-09]	Hồ sơ dạy thêm của giáo viên	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng, chủ tịch Công đoàn, nhân viên văn thư	Công đoàn
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Văn kiện Hội nghị Cán bộ, Công chức, Người lao động	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020	Ban thanh tra nhân dân	Công đoàn

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023		
	2	[H1-1.9-02]	Hồ sơ giải quyết khiếu nại tố cáo	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng, nhân viên văn thư	Văn phòng
	3	[H1-1.9-03]	Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Nhân viên y tế	Văn phòng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	4	[H1-1.9-04]	Hồ sơ Ban thanh tra Nhân dân	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng, nhân viên văn thư	Văn phòng
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Nghị quyết đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	Năm 2019 Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022 Năm 2023	Nhân viên y tế	Văn phòng
	2	[H1-1.10-02]	Hồ sơ đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng, tổng phụ trách Đội	Văn phòng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023		
	3	[H1-1.10-03]	Hồ sơ phòng cháy chữa cháy, phòng chống tai nạn thương tích	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Công nghệ thông tin	Văn phòng
	4	[H1-1.10-04]	Hồ sơ phòng chống dịch bệnh	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Nhân viên bảo vệ	Văn phòng
	5	[H1-1.10-05]	Hồ sơ phòng chống tệ nạn	Năm học 2018 - 2019	Ban Chấp hành	Văn phòng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
			xã hội, ma tý, HIV/AIDS	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Công đoàn	
	6	[H1-1.10-06]	Công bố email, số điện thoại của cán bộ quản lý	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Tổng phụ trách Đội, nhân viên y tế	Văn phòng
	7	[H1-1.10-07]	Sổ theo dõi ý kiến đóng góp của người dân qua hộp thư	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022	Giám thị	Văn phòng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm học 2022 - 2023		
	8	[H1-1.10-08]	Tài liệu bình đẳng giới	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023		
	9	[H1-1.10-09]	Hình ảnh tuyên truyền bình đẳng giới, dịch bệnh…	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023		
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Hồ sơ cá nhân của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Năm 2020 Năm 2021	Nhân viên Văn thư	Văn phòng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm 2022 Năm 2023		
	2	[H2-2.1-02]	Hồ sơ đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Nhân viên văn thư	Văn phòng
	3	[H2-2.1-03]	Chứng chỉ bồi dưỡng của cán bộ quản lý	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Nhân viên văn thư	Văn phòng
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Bảng thống kê trình độ cán	Năm học 2018 - 2019	Hiệu trưởng,	Văn phòng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
			bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	nhân viên văn thư	
	2	[H2-2.2-02]	Hồ sơ đánh giá chuẩn nghề nghiệp	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng, nhân viên văn thư	Văn phòng
	3	[H2-2.2-03]	Hồ sơ hoạt động trải nghiệm sáng tạo	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022	Hiệu trưởng, giáo viên	Văn phòng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm học 2022 - 2023		
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Phân công nhân viên	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng, nhân viên văn thư	Văn phòng
	2	[H2-2.3-02]	Hồ sơ nhân viên	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Nhân viên văn thư	Văn phòng
	3	[H2-2.3-03]	Kết quả đánh giá nhân viên cuối năm	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020	Hiệu trưởng, nhân viên văn	Văn phòng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	thư	
Tiêu chí 2.4	1	[H2-2.4-01]	Kế hoạch tuyển sinh	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	Văn phòng
	2	[H2-2.4-02]	Bảng tổng hợp kết quả, đánh giá xếp loại học sinh	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng, nhân viên học vụ	Văn phòng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	3	[H2-2.4-03]	Kế hoạch dạy kỹ năng sống, câu lạc bộ	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
	4	[H2-2.4-04]	Danh sách miễn giảm học phí, học sinh nhận học bổng, nụ cười hồng	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Nhân viên kế toán, tổng phụ trách Đội	Văn phòng
	5	[H2-2.4-05]	Danh sách học sinh đạt giải trong các hội thi	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Tổng phụ trách Đội, nhân viên Văn thư	Văn phòng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023		
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Hình ảnh CSVC, cảnh quan trường học	Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022 Năm 2023	Hiệu trưởng	Văn phòng
	2	[H3-3.1-02]	Hình ảnh cổng trường	Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022 Năm 2023	Hiệu trưởng	Văn phòng
	3	[H3-3.1-03]	Hình ảnh sân chơi, bãi tập	Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022	Hiệu trưởng	Văn phòng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm 2023		
	4	[H3-3.1-04]	Hồ sơ thiết kế xây dựng	Năm 1999, 2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Hình ảnh phòng học	Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022 Năm 2023	Hiệu trưởng, giáo viên	Giáo viên
	2	[H3-3.2-02]	Hình ảnh phòng bộ môn	Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022 Năm 2023	Tổ trưởng chuyên môn, giáo viên	Tổ trưởng chuyên môn
	3	[H3-3.2-03]	Hình ảnh phòng Đoàn Đội, thư viện, truyền thống	Năm 2020 Năm 2021	Tổng phụ trách Đội	Tổng phụ trách Đội

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm 2022 Năm 2023		
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Hình ảnh khối hành chính, quản trị	Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022 Năm 2023	Nhân viên thiết bị	Nhân viên thiết bị
	2	[H3-3.3-02]	Hình ảnh nhà xe giáo viên, học sinh	Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022 Năm 2023	Nhân viên thiết bị	Nhân viên thiết bị
	3	[H3-3.3-03]	Đề xuất sửa chữa, mua sắm	Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022	Hiệu trưởng, nhân viên kế toán, nhân viên	Nhân viên kế toán

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm 2023	thiết bị	
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Hình ảnh khu nhà vệ sinh	Năm 2021 Năm 2022	Nhân viên y tế	Nhân viên y tế
	2	[H3-3.4-02]	Hình ảnh hệ thống thoát nước	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	Văn phòng
	3	[H3-3.4-03]	Hợp đồng cung cấp nước sạch	Năm 2021 Năm 2022	Hiệu trưởng, nhân viên y tế	Nhân viên y tế
	4	[H3-3.4-04]	Hợp đồng cung cấp nước uống	Năm 2021 Năm 2022	Hiệu trưởng, nhân viên y tế	Nhân viên y tế
	5	[H3-3.4-05]	Hợp đồng thu gom rác	Năm 2021	Nhân viên thiết	Nhân viên

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm 2022	bị	thiết bị
	6	[H3-3.4-06]	Hình ảnh khu tập trung rác	Năm 2022	Nhân viên thiết bị	Nhân viên thiết bị
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Báo cáo bộ phận thiết bị	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán
	2	[H3-3.5-02]	Danh mục thiết bị, đồ dùng dạy học hiện có	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	3	[H3-3.5-03]	Bản kiểm kê tài sản	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Nhân viên thiết bị	Nhân viên thiết bị
	4	[H3-3.5-04]	Hóa đơn thanh toán phí internet	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Nhân viên thiết bị	Nhân viên thiết bị
	5	[H3-3.5-05]	Kế hoạch mua sắm đồ dùng dạy học	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Nhân viên thiết bị	Nhân viên thiết bị

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023		
	6	[H3-3.5-06]	Sổ theo dõi đồ dùng dạy học tự làm	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Nhân viên thư viện	Nhân viên thư viện
	7	[H3-3.5-07]	Sổ ký mượn đồ dùng dạy học	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Nhân viên thư viện	Nhân viên thư viện
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Danh mục sách báo, tạp chí	Năm học 2018 - 2019	Nhân viên thư	Nhân viên

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	viện	thư viện
	2	[H3-3.6-02]	Sổ quản lý thư viện	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhân viên thư viện
	3	[H3-3.6-03]	Hình ảnh hoạt động thư viện	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022	Nhân viên thư viện	Nhân viên thư viện

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm học 2022 - 2023		
	4	[H3-3.6-04]	Kế hoạch tổ chức hoạt động của học sinh ở thư viện	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Nhân viên thư viện	Nhân viên thư viện
	5	[H3-3.6-05]	Quyết định công nhận thư viện trường Trung học cơ sở và THPT đạt chuẩn, tiên tiến và xuất sắc	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhân viên thư viện
	6	[H3-3.6-06]	Hình ảnh máy vi tính thư viện có kết nối Internet	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020		Nhân viên thư viện

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023		
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Biên bản họp cha mẹ học sinh các lớp, Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng, Ban đại diện cha mẹ học sinh	
	2	[H4-4.1-02]	Danh sách Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng, Ban đại diện cha mẹ học sinh	

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	3	[H4-4.1-03]	Kế hoạch hoạt động Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng, Ban đại diện cha mẹ học sinh	
	4	[H4-4.1-04]	Báo cáo hoạt động Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng, Ban đại diện cha mẹ học sinh	
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Các quy chế phối hợp	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng, nhân viên văn thư	

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023		
	2	[H4-4.2-02]	Hình ảnh tuyên truyền giáo dục học sinh trong các buổi sinh hoạt dưới cờ	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Phòng Đoàn – Đội	
	3	[H4-4.2-03]	Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng, Ban đại diện cha mẹ học sinh	
	4	[H4-4.2-04]	Biên bản vận động học sinh	Năm học 2018 - 2019	Hiệu trưởng,	

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
			ra lớp	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	giáo viên	
	5	[H4-4.2-05]	Hình ảnh giáo dục truyền thống	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Tổng phụ trách Đội, bí thư chi đoàn	
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Kế hoạch kiểm tra đánh giá học sinh	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022	Phó hiệu trưởng	

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm học 2022 - 2023		
	2	[H5-5.1-02]	Hồ sơ bồi dưỡng HSG	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó hiệu trưởng, giáo viên	
	3	[H5-5.1-03]	Hồ sơ phụ đạo HS	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó hiệu trưởng, giáo viên	
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Khen thưởng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020	Hiệu trưởng, nhân viên văn	

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	thư	
	2	[H5-5.2-02]	Hồ sơ đơn vị tiên tiến TDTT	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng, giáo viên thể dục	
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Tài liệu giảng dạy giáo dục địa phương	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Giáo viên	

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	2	[H5-5.3-02]	Quy chế kiểm tra đánh giá học sinh	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Kế hoạch hoạt động trải nghiệm sáng tạo	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn	
	2	[H5-5.4-02]	Hình ảnh tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Giáo viên	

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023		
	3	[H5-5.4-03]	Biên bản rút kinh nghiệm trải nghiệm sáng tạo	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn	
Tiêu chí 5.5	1	[H5-5.5-01]	Hình ảnh học sinh chấp hành pháp luật	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Tổng phụ trách Đội	
	2	[H5-5.5-02]	Hoạt động nụ cười hồng	Năm học 2018 - 2019	Tổng phụ trách	

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Đội	
	3	[H5-5.5-03]	Hình ảnh kỹ năng sống	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng, giáo viên	
	4	[H5-5.5-04]	Hình ảnh hoạt động câu lạc bộ Vật lý - Hóa học	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022	Tổ trưởng chuyên môn Vật lý - Hóa học	

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm học 2022 - 2023		
Tiêu chí 5.6	1	[H5-5.6-01]	Hồ sơ xét duyệt tốt nghiệp Trung học cơ sở	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Nhân viên học vụ	
	2	[H5-5.6-02]	Hình ảnh tư vấn tuyển sinh	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng, tổng phụ trách Đội	